



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 413 + 414

Ngày 15 tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-10-2024- Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung
Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01
năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về
Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đăng từ Công báo số 411 + 412 đến số 423 + 424)

(Tiếp theo Công báo số 411 + 412)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
260	TÊN LỬA	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 29	90.700
		ĐƯỜNG SỐ 29	TỈNH LỘ 10	70.200
261	TỈNH LỘ 10	CÂY DA SÀ	QUỐC LỘ 1A	63.500
		QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	53.800
		CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	RANH BÌNH CHÁNH	49.000
262	TRẦN ĐẠI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		54.800
263	TRẦN THANH MẠI	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	39.000
264	TRẦN VĂN GIÀU	TÊN LỬA	QUỐC LỘ 1A	90.700
		QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	44.600
265	TRƯƠNG PHƯỚC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
266	VÀNH ĐAI TRONG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2 (BÌNH TRỊ ĐÔNG)	92.800
267	VĨNH LỘC (HƯƠNG LỘ 80)	NGUYỄN THỊ TÚ	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	47.300
268	VÕ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	37.400
269	VŨ HỮU	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	37.500
270	VƯƠNG VĂN HUỐNG	TRỌN ĐƯỜNG		41.200
271	VŨ VĂN KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		86.800
272	HOÀNG HÙNG	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
273	VŨ TRẦN CHÍ	QUỐC LỘ 1A	RANH BÌNH CHÁNH	25.600
274	ĐƯỜNG SỐ 7, KHU DÂN CƯ AN LẠC - PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	90.700
275	CÁC ĐƯỜNG 1, 1A, 1B, 1C, 2, 2A, 2 NỘI DÀI, 3A, 3B, 3C VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI CỦA KHU TĐC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
276	CÁC ĐƯỜNG 1, 2, 3, 5, 7, 9 KDC LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		58.900
277	CÁC ĐƯỜNG 2B, 3A NỘI DÀI, 3B NỘI DÀI, 3C NỘI DÀI, 2C NỘI DÀI, 2D NỘI DÀI THUỘC KHU TĐC AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
278	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 THUỘC KDC HƯƠNG LỘ 5	TRỌN ĐƯỜNG		59.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
279	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 4, 4 NỐI DÀI KDC LÊ THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		53.900
280	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
281	ĐƯỜNG KINH 1	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
282	ĐƯỜNG KINH 2	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
283	ĐƯỜNG KINH 3	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
284	ĐƯỜNG KINH 4	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
285	ĐƯỜNG KINH 5	TRỌN ĐƯỜNG		23.700
286	ĐƯỜNG SỐ 20 (KP8)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
287	ĐƯỜNG SỐ 16A (KP11)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
288	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
289	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP26)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
290	ĐƯỜNG SỐ 1A (KP9)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
291	ĐƯỜNG SỐ 3D (KP7)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
292	ĐƯỜNG SỐ 4 (KP22)	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
293	ĐƯỜNG 1,2,3,8 THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
294	ĐƯỜNG 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 3A, 3B, 3C, 3D, 4, 4A, 4B, 5, 5A, 5B, 5C, 6, 6A, 6B, 10, 10A, 10B, 10C, 12, 12A, 12B, 12C, 14, 14A, 14B, 14C, 14D, 14E, 14F, 16, 16A, THUỘC KHU DÂN CƯ VĨNH LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		52.500
295	TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG SỐ 29 ĐẾN ĐƯỜNG TÍNH LỘ 10 (THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG ĐƯỜNG TÊN LỬA	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
296	TUYẾN ĐƯỜNG RẠCH BÀ TIẾNG (THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH BÀ TIẾNG	TRỌN ĐƯỜNG		59.800
297	ĐƯỜNG SỐ 20, 22, 17 (LỘ GIỚI 16M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		66.100
298	ĐƯỜNG SỐ 17A, 17B (LỘ GIỚI 12M, KHU DÂN CƯ PHỤ TRỢ PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA)	TRỌN ĐƯỜNG		59.600

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN TÂN PHÚ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ẤU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		97.200
2	BÁC ÁI	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT NHÀ SỐ 98 ĐƯỜNG BÁC ÁI)	77.800
3	BÌNH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
4	BÙI CẨM HỒ	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	64.800
5	BÙI XUÂN PHẢI	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI ĐƯỜNG	67.200
6	CẦU XEO	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
7	CÁCH MẠNG	LŨY BÁN BÍCH	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	88.300
8	CAO VĂN NGỌC	KHUÔNG VIỆT	KHUÔNG VIỆT	72.900
9	CHÂN LÝ	ĐỘC LẬP	NGUYỄN TRƯỞNG TỘ	58.300
10	CHÊ LAN VIÊN	TRƯỜNG CHINH	CUỐI ĐƯỜNG	76.100
11	CHU THIÊN	NGUYỄN MỸ CA	TỔ HIỆU	81.000
12	CHU VĂN AN	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	93.200
13	CỘNG HOÀ 3	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN HUYỀN	61.600
14	DÂN CHỦ	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	77.800
15	DÂN TỘC	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
16	DƯƠNG KHUÊ	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	81.000
17	DƯƠNG ĐỨC HIỀN	LÊ TRỌNG TẤN	CHÊ LAN VIÊN	87.500
18	DƯƠNG THIỆU TƯỚC	LÝ TUỆ	TÂN KỸ TÂN QUÝ	60.800
19	DƯƠNG VĂN DƯƠNG	TÂN KỸ TÂN QUÝ	ĐỒ THỬA LUÔNG	89.100
20	DIỆP MINH CHÂU	TÂN SƠN NHÌ	TRƯƠNG VINH KÝ	97.200
21	ĐÀM THẬN HUY	TRỌN ĐƯỜNG		94.000
22	ĐẶNG THÊ PHONG	ẤU CƠ	TRẦN TÂN	64.800
23	ĐÌNH LIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
24	ĐOÀN HỒNG PHƯỚC	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	HUỲNH THIÊN LỘC	64.800
25	ĐOÀN GIỚI	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
26	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TỰ DO 1	81.000
27	ĐỒ BÍ	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
28	ĐỒ CÔNG TƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
29	ĐỒ ĐỐC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
30	ĐỒ ĐỐC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		89.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	ĐỒ ĐỐC LONG	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
32	ĐỒ ĐỐC THỦ	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
33	ĐỒ ĐỨC DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		75.000
34	ĐỒ THỊ TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
35	ĐỒ THỪA LUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
36	ĐỒ THỪA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
37	ĐỒ NHUẬN	LÊ TRỌNG TÂN	CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	77.000
		CUỐI HÈM SỐ 01 SƠN KỶ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	59.200
38	ĐỘC LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		105.300
39	ĐƯỜNG C1	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	56.700
40	ĐƯỜNG C4	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	60.800
41	ĐƯỜNG C4A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	60.800
42	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C2	56.700
43	ĐƯỜNG C6	ĐƯỜNG C5	ĐƯỜNG C7	56.700
44	ĐƯỜNG C6A	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG C1	56.700
45	ĐƯỜNG C8	ĐƯỜNG C7	ĐƯỜNG S11	60.800
46	ĐƯỜNG CC1	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	55.100
47	ĐƯỜNG CC2	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	52.700
48	ĐƯỜNG CC3	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC2	72.900
49	ĐƯỜNG CC4	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	52.700
50	ĐƯỜNG CC5	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CC2	56.700
51	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	LÊ TRỌNG TÂN	64.800
52	ĐƯỜNG CN6	ĐƯỜNG CN1	ĐƯỜNG CN11	89.100
53	ĐƯỜNG CN11	ĐƯỜNG CN1	TÂY THẠNH	77.000
54	ĐƯỜNG D9	TÂY THẠNH	CHẾ LAN VIÊN	74.500
55	ĐƯỜNG D14A	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	64.800
56	ĐƯỜNG DC1	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
57	ĐƯỜNG DC11	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
58	ĐƯỜNG D10	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
59	ĐƯỜNG D11	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
60	ĐƯỜNG D12	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	64.800
61	ĐƯỜNG D13	TÂY THẠNH	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
62	ĐƯỜNG D14B	ĐƯỜNG D13	ĐƯỜNG D15	64.800
63	ĐƯỜNG D15	ĐƯỜNG D10	CUỐI ĐƯỜNG	56.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	ĐƯỜNG D16	ĐƯỜNG D9	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
65	ĐƯỜNG DC3	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
66	ĐƯỜNG DC4	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN11	64.800
67	ĐƯỜNG DC5	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
68	ĐƯỜNG DC7	ĐƯỜNG CN6	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
69	ĐƯỜNG DC9	ĐƯỜNG CN1	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
70	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	BÌNH LONG	LƯU CHÍ HIỆU	61.600
71	ĐƯỜNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
72	ĐƯỜNG TÂN THẮNG (TÊN CŨ: BỜ BAO TÂN THẮNG)	BÌNH LONG	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	72.900
73	ĐƯỜNG CÂY KEO	LŨY BÁN BÍCH	TÔ HIỆU	95.200
74	ĐƯỜNG S5	ĐƯỜNG S2	KÊNH 19/5	65.600
75	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	68.000
76	ĐƯỜNG S11	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	TÂY THẠNH	65.600
77	ĐƯỜNG S3	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	ĐƯỜNG S2	64.800
78	ĐƯỜNG S7	ĐƯỜNG S2	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	64.800
79	ĐƯỜNG S9	ED	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	64.800
80	ĐƯỜNG S2 (P. TÂY THẠNH)	ĐƯỜNG S11	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
81	ĐƯỜNG C2 (P. TÂY THẠNH)	ĐƯỜNG S11	LƯU CHÍ HIỆU	68.000
82	ĐƯỜNG S4 (P. TÂY THẠNH)	ĐƯỜNG S1	ĐƯỜNG S11	68.000
83	ĐƯỜNG T3 (P. TÂY THẠNH)	ĐƯỜNG T2	KÊNH 19/5	63.200
84	ĐƯỜNG T5 (P. TÂY THẠNH)	ĐƯỜNG T4A	KÊNH 19/5	63.200
85	ĐƯỜNG SỐ 1	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TÔ	81.800
86	ĐƯỜNG SỐ 2	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TÔ	68.900
87	ĐƯỜNG KÊNH NƯỚC ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
88	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HOÁ	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
89	ĐƯỜNG SỐ 18 (P.TÂN QUÝ)	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
90	ĐƯỜNG SỐ 27 (P.SƠN KỶ)	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
91	ĐƯỜNG T1	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	CUỐI ĐƯỜNG	63.200
92	ĐƯỜNG T4A	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	63.600
93	ĐƯỜNG T4B	ĐƯỜNG T3	ĐƯỜNG T5	63.600
94	ĐƯỜNG T6	LÊ TRỌNG TÂN	ĐƯỜNG S1	72.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
95	GỖ DẦU	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
96	HÀN MẶC TỪ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	68.900
97	HIỀN VƯƠNG	VĂN CAO	PHAN VĂN NĂM	89.100
		PHAN VĂN NĂM	CUỐI ĐƯỜNG	89.100
98	HỒ ĐẮC DI	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
99	HỒ NGỌC CẦN	TRẦN HUNG ĐẠO	THỐNG NHẤT	77.800
100	HOA BĂNG	NGUYỄN CỬU ĐAM	CUỐI ĐƯỜNG	96.400
101	HÒA BÌNH	KHUÔNG VIỆT	LŨY BÁN BÍCH	109.400
		LŨY BÁN BÍCH	NGÃ TƯ 4 XÃ	87.500
102	HOÀNG NGỌC PHÁCH	NGUYỄN SƠN	LÊ THỨC HOẠCH	79.000
103	HOÀNG THIỀU HOA	THẠCH LAM	HOÀ BÌNH	89.100
104	HOÀNG VĂN HOÈ	TRỌN ĐƯỜNG		67.200
105	HOÀNG XUÂN HOÀNH	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	68.900
106	HOÀNG XUÂN NHI	ÂU CƠ	KHUÔNG VIỆT	77.000
107	HUỲNH VĂN CHÍNH	KHUÔNG VIỆT	CHUNG CƯ HUỲNH VĂN CHÍNH I	81.000
108	HUỲNH VĂN MỘT	LŨY BÁN BÍCH	TỔ HIỆU	71.300
109	HUỲNH VĂN GẮM	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HỒ ĐẮC DI	68.000
110	HUỲNH THIÊN LỘC	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HOÁ	81.000
111	ÍCH THIÊN	PHỐ CHỢ	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	68.900
112	KHUÔNG VIỆT	ÂU CƠ	HOÀ BÌNH	89.900
113	LÊ CAO LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		70.900
114	LÊ CẢNH TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
115	LÊ KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
116	LÊ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
117	LÊ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		69.700
118	LÊ LIỄU	TRỌN ĐƯỜNG		69.700
119	LÊ LƯ	TRỌN ĐƯỜNG		69.700
120	LÊ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		96.400
121	LÊ ĐẠI	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
122	LÊ NGÃ	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
123	LÊ NIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		79.400
124	LÊ ĐÌNH THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
125	LÊ ĐÌNH THỤ	VƯỜN LÀI	ĐƯỜNG SỐ 1	71.300
126	LÊ QUANG CHIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
127	LÊ QUỐC TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
128	LÊ SAO	TRỌN ĐƯỜNG		88.300
129	LÊ SÁT	TRỌN ĐƯỜNG		89.900
130	LÊ QUÁT	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	67.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
131	LÊ THẬN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	CHU THIÊN	64.800
132	LÊ THIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		69.700
133	LÊ THỨC HOẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		94.000
134	LÊ TRỌNG TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
135	LÊ VĂN PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		103.700
136	LÊ VINH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		73.400
137	LƯƠNG MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
138	LƯƠNG ĐẮC BẢNG	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
139	LƯƠNG THẾ VINH	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
140	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		79.800
141	LƯU CHÍ HIẾU	CHÈ LAN VIÊN	ĐƯỜNG C2	74.500
		ĐƯỜNG C2	KÊNH 19/5	64.800
142	LŨY BÁN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		129.600
143	LÝ THÁI TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		67.700
144	LÝ THÁNH TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
145	LÝ TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
146	NGÔ QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
147	NGHIÊM TOÀN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI HÈM 568 LŨY BÁN BÍCH	77.000
		THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI HÈM 48 THOẠI NGỌC HẦU	64.800
148	NGUYỄN NHƯ KONTUM	THẠCH LAM	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
149	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		79.400
150	NGUYỄN CHÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
151	NGUYỄN CỬU ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		105.300
152	NGUYỄN DŨ	TRỌN ĐƯỜNG		58.300
153	NGUYỄN ĐỖ CUNG	LÊ TRỌNG TẤN	PHẠM NGỌC THẢO	66.900
154	NGUYỄN HẢO VINH	GÒ DẦU	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
155	NGUYỄN HẬU	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
156	NGUYỄN HỮU DẬT	TRỌN ĐƯỜNG		74.500
157	NGUYỄN HỮU TIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		74.500
158	NGUYỄN LỘ TRẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
159	NGUYỄN LÝ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
160	NGUYỄN MINH CHÂU	ÂU CƠ	HÈM 25 NGUYỄN MINH CHÂU	77.000
161	NGUYỄN MỸ CA	ĐƯỜNG CÂY KEO	TRẦN QUANG QUÁ	64.800
162	NGUYỄN NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
163	NGUYỄN NGỌC NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
164	NGUYỄN NHỮ LÂM	NGUYỄN SƠN	PHÚ THỌ HÒA	71.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
165	NGUYỄN SÁNG	LÊ TRỌNG TẤN	NGUYỄN ĐỖ CUNG	61.600
166	NGUYỄN SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		119.100
167	NGUYỄN SUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
168	NGUYỄN QUANG ĐIỀU	NGUYỄN SỦY	HÈM 20 PHẠM NGỌC	64.800
169	NGUYỄN QUÝ ANH	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HÈM 15 CẦU XÉO	72.900
170	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
171	NGUYỄN THÊ TRUYỆN	TRƯƠNG VINH KÝ	CUỐI ĐƯỜNG	89.100
172	NGUYỄN THIỆU LÂU	TÔ HIỆU	LÊ THẬN	68.900
173	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
174	NGUYỄN TRỌNG QUYỀN	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	64.800
175	NGUYỄN VĂN DUỖNG	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
176	NGUYỄN VĂN HUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
177	NGUYỄN VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
178	NGUYỄN VĂN SÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		61.600
179	NGUYỄN VĂN TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
180	NGUYỄN VĂN VINH	HÒA BÌNH	LÝ THÁNH TỔNG	72.100
181	NGUYỄN VĂN YẾN	PHAN ANH	TÔ HIỆU	61.600
182	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TRỌN ĐƯỜNG		87.500
183	PHẠM NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
184	PHẠM NGỌC THẢO	DƯƠNG ĐỨC HIỀN	NGUYỄN HỮU DẬT	66.900
185	PHẠM VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
186	PHẠM VĂN XẢO	TRỌN ĐƯỜNG		89.100
187	PHẠM QUÝ THÍCH	LÊ THỨC HOẠCH	TÂN HƯƠNG	77.800
188	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		75.800
189	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
190	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		88.300
191	PHAN VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
192	PHÓ CHỢ	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
193	PHÙNG CHÍ KIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
194	PHÚ THỌ HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		110.200
195	QUÁCH ĐÌNH BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
196	QUÁCH VŨ	TRỌN ĐƯỜNG		74.500
197	QUÁCH HỮU NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẬU	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
198	SƠN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
199	TÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		105.300
200	TÂN KỶ TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		84.200
201	TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		90.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
202	TÂN SƠN NHÌ	TRỌN ĐƯỜNG		121.500
203	TÂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
204	TÂY SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
205	TÂY THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		94.000
206	THẨM MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
207	THẠCH LAM	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
208	THÀNH CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
209	THOẠI NGỌC HẦU	ÂU CƠ	LŨY BÁN BÍCH	103.700
		LŨY BÁN BÍCH	PHAN ANH	81.000
210	THÔNG NHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		94.000
211	TÔ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
212	TỰ DO 1	TRỌN ĐƯỜNG		85.900
213	TỰ QUYẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
214	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
215	TRẦN QUANG CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
216	TRẦN QUANG QUÁ	TÔ HIỆU	NGUYỄN MỸ CA	61.600
217	TRẦN TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
218	TRẦN THỦ ĐỘ	VĂN CAO	PHAN VĂN NĂM	90.700
219	TRẦN VĂN CẢN	LŨY BÁN BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
220	TRẦN VĂN GIÁP	LÊ QUANG CHIÊU	HÈM THẠCH LAM	63.200
221	TRẦN VĂN ƠN	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
222	TRỊNH LỎI	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
223	TRỊNH ĐÌNH THẢO	TRỌN ĐƯỜNG		85.100
224	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		81.800
225	TRƯƠNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
226	TRƯƠNG VĂN LĨNH	TRƯƠNG VĨNH KÝ	DÂN TỘC	72.900
227	TRƯỜNG CHINH	TRỌN ĐƯỜNG		109.400
228	VĂN CAO	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
229	VẠN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
230	VÕ CÔNG TÔN	TÂN HƯƠNG	HÈM 211 TÂN QUÝ	72.900
231	VÕ HOÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
232	VÕ VĂN DŨNG	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
233	VƯỜN LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		115.000
234	VŨ TRỌNG PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
235	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
236	Ý LAN	TRỌN ĐƯỜNG		81.800
237	ĐƯỜNG A KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	68.900
238	ĐƯỜNG B KHU ADC	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	68.900
239	ĐƯỜNG SỐ 41	VƯỜN LÀI	KÊNH NƯỚC ĐEN	64.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
240	ĐƯỜNG B1	ĐƯỜNG B4	TÂY THẠNH (CHƯA THÔNG)	64.800
241	ĐƯỜNG B2	ĐƯỜNG B1	HÈM 229 TÂY THẠNH	64.800
242	ĐƯỜNG B3	TÂY THẠNH	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
243	ĐƯỜNG B4	ĐƯỜNG B1	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
244	ĐƯỜNG T8	ĐƯỜNG T3	CUỐI ĐƯỜNG	64.800
245	ĐƯỜNG DC6	TRỌN ĐƯỜNG		70.100
246	ĐƯỜNG DC13	TRỌN ĐƯỜNG		74.500
247	ĐƯỜNG DC8	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
248	HÀ THỊ ĐẤT	CẦU XÉO	HOA BĂNG	64.800
249	T2	T3	HÈM 296 TÔ HIỆU	63.200
250	CN13	LÊ TRỌNG TẤN	CN1	77.000
251	PHAN THỊ HÀNH	HÈM 2/2 LÊ THỨC HOẠCH	NHÀ SỐ 2/2/9 LÊ THỨC HOẠCH	64.800
252	TRẦN THỊ BÁO	PHAN ANH	TÔ HIỆU	64.800
253	TRỊNH THỊ THO	THẠCH LAM	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	64.800
254	TRẦN THỊ SA	CHU THIÊN	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	64.800

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN GÒ VẤP**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
2	AN NHƠN	TRỌN ĐƯỜNG		51.800
3	NGUYỄN VĂN KHÔI	PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ VĂN THỌ	66.400
		LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 8	66.400
4	ĐƯƠNG QUẢNG HÀM	TRỌN ĐƯỜNG		69.700
5	HẠNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		62.400
6	HOÀNG HOA THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
7	HOÀNG MINH GIÁM	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	NGUYỄN KIỂM	106.600
8	HUỶNH KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		58.300
9	HUỶNH VĂN NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
10	LÊ ĐỨC THỌ	PHAN VĂN TRỊ	NGUYỄN OANH	101.300
		NGUYỄN OANH	THÔNG NHẤT	96.100
		THÔNG NHẤT	CẦU TRƯỜNG ĐẠI	74.000
11	LÊ HOÀNG PHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		66.100
12	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		59.000
13	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN NGHI	LÊ LAI	69.700
		LÊ LAI	PHẠM VĂN ĐÔNG	65.300
14	LÊ QUANG ĐỊNH	CẦU HANG	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THANH	94.800
15	LÊ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		59.100
16	LÊ VĂN THỌ	QUANG TRUNG	PHẠM VĂN CHIÊU	69.700
		PHẠM VĂN CHIÊU	LÊ ĐỨC THỌ	68.000
17	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	PHAN VĂN TRỊ	BÌNH THANH	62.400
		NGUYỄN VĂN NGHI	PHAN VĂN TRỊ	48.100
18	LÝ THUỜNG KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		56.200
19	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	LÊ QUANG ĐỊNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	45.400
20	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		59.000
21	NGUYỄN HỒNG	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THANH	62.400
22	NGUYỄN KIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		106.600
23	NGUYỄN OANH	NGÃ SÁU	PHAN VĂN TRỊ	108.900
		PHAN VĂN TRỊ	LÊ ĐỨC THỌ	115.700
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU AN LỘC	93.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	NGUYỄN THÁI SƠN	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	NGUYỄN KIỂM	95.200
		NGUYỄN KIỂM	PHẠM NGŨ LÃO	109.400
		PHẠM NGŨ LÃO	PHAN VĂN TRỊ	113.400
		PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	87.300
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	82.100
25	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
26	NGUYỄN TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		52.200
27	NGUYỄN VĂN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		65.300
28	NGUYỄN VĂN CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		78.000
29	NGUYỄN VĂN DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		64.800
30	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	THỐNG NHẤT	NGUYỄN OANH	97.500
		NGUYỄN OANH	CÔNG VIÊN VĂN HÓA	97.500
31	NGUYỄN VĂN NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		95.200
32	PHẠM HUY THÔNG	PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM (BỔ SUNG THÊM TỪ DƯƠNG QUẢNG HÀM ĐẾN THAM LƯƠNG) THÀNH TRỌN ĐƯỜNG	69.700
33	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		84.200
34	PHẠM VĂN CHIÊU	QUANG TRUNG	LÊ VĂN THỌ	82.600
		LÊ VĂN THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	74.900
35	PHẠM VĂN BACH	TRỌN ĐƯỜNG		78.400
36	PHAN HUY ÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		82.600
37	PHAN VĂN TRỊ	PHẠM VĂN ĐÔNG	NGUYỄN THÁI SƠN	116.600
		NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN OANH	102.400
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	94.800
38	QUANG TRUNG	NGÃ SÁU GỖ VẤP	LÊ VĂN THỌ	133.600
		LÊ VĂN THỌ	TÂN SƠN	107.400
		TÂN SƠN	CHỢ CẦU	90.900
39	TÂN SƠN	QUANG TRUNG	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	78.400
40	THÍCH BỬU ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
41	THIỆN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
42	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	80.200
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU BẾN PHÂN	70.000
		SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	72.900
43	THỐNG TÂY HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		57.100
44	TRẦN BÁ GIAO	CHUNG CƯ HÀ KIỀU	NGUYỄN THÁI SƠN	46.400
45	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		62.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	TRẦN PHÚ CƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		66.100
47	TRẦN QUỐC TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		70.000
48	TRẦN THỊ NGHĨ	TRỌN ĐƯỜNG		86.000
49	TRUNG NỮ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		67.400
50	TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		42.800
51	TRƯƠNG MINH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
52	TÚ MỖ	TRỌN ĐƯỜNG		54.500
53	BÙI QUANG LÀ	PHAN VĂN BẠCH	PHAN HUY ÍCH	50.200
54	ĐỖ THỨC TỊNH	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 17	58.300
55	NGUYỄN DUY CUNG	ĐƯỜNG SỐ 19	PHAN HUY ÍCH	50.200
56	NGUYỄN TƯ GIẢN	ĐƯỜNG SỐ 34	PHAN HUY ÍCH	50.200
57	PHẠM VĂN ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		122.500
58	TÔ NGỌC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		34.700

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	QUẬN 2 (CŨ)			
1	TRẦN NẢO	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	120.700
		LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	120.700
2	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	NGÃ TƯ TRẦN NẢO - LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHÍ THỌ (NÚT GIAO THÔNG AN PHÚ)	120.700
3	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
4	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
5	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
6	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	52.700
7	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	52.700
8	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	52.700
9	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
10	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	52.700
11	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	52.700
12	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
13	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
14	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
15	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
16	ĐƯỜNG SỐ 14, 15 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
17	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG AN KHÁNH	KHU DÂN CƯ HIM LAM	71.300
18	ĐƯỜNG SỐ 17, 18 PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	70.500
19	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
20	ĐƯỜNG SỐ 19B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
21	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		78.600
22	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG AN KHÁNH	78.600
23	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
24	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	78.600
25	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
26	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
27	ĐƯỜNG SỐ 26, 28 PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
28	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
29	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
30	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	71.300
31	ĐƯỜNG SỐ 30B, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
32	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
33	ĐƯỜNG SỐ 32, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
34	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN HÀ QUANG	71.300
35	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
		ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
36	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
37	ĐƯỜNG SỐ 36, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
38	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
39	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
40	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
41	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
42	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
43	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	71.300
44	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
45	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
46	ĐẶNG HỮU PHỐ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	71.300
47	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
48	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BÁO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
49	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		65.600
50	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
51	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
52	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	96.400
53	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
54	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
55	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
56	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	71.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
57	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
58	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	71.300
		TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN BÁ HUÂN	71.300
59	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	65.600
60	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		65.600
61	TRẦN VĂN SẮC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
62	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
63	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	71.300
64	ĐƯỜNG 48, 59 PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
65	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	72.900
66	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	LÊ VĂN MIẾN	68.000
67	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
68	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THÁI LY (ĐƯỜNG 41), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
69	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		65.600
70	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
71	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 55	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
72	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	65.600
73	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
74	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
75	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
76	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	60.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
77	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	68.900
78	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	71.300
79	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
80	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	65.600
81	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ứ DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
82	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ứ DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	73.700
83	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
84	LÊ THUỐC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	82.600
85	LÊ VĂN MIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	77.000
86	NGÔ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	77.000
87	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
88	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	77.000
89	NGUYỄN CỬ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
90	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
91	NGUYỄN DUY HIỆU, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
92	NGUYỄN Ứ DĨ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	82.600
93	NGUYỄN VĂN HƯỞNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	CUỐI ĐƯỜNG	120.700
94	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	110.200
95	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHÍ)	133.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
96	TÓNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	77.000
97	TRẦN NGỌC DIỆN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	93.200
98	TRÚC ĐƯỜNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHỈ)	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	93.200
99	VÕ TRƯỜNG TOÀN	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	99.600
100	VÕ NGUYỄN GIÁP	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RACH CHIẾC	132.000
101	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	132.000
		QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	113.400
102	ĐƯỜNG CHÍNH (ĐOẠN 1, DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 12M - 17M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
103	ĐƯỜNG NHÁNH CỤT (DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 7M-12M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
104	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	84.200
105	ĐẶNG TIỀN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
106	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG - AN PHÚ	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU NAM LÝ	66.200
107	ĐOÀN HỮU TRUNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
108	ĐƯỜNG 51-AP	TRỌN ĐƯỜNG		64.000
109	ĐƯỜNG 52-AP	TRỌN ĐƯỜNG		64.000
110	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 59-AP	64.000
111	ĐƯỜNG 54-AP	THÂN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 53-AP	64.000
112	ĐƯỜNG 55-AP	THÂN VĂN NHIẾP	ĐƯỜNG 59-AP	64.000
113	ĐƯỜNG 63-AP	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	64.000
114	ĐƯỜNG 57-AP	ĐƯỜNG 51-AP	CUỐI ĐƯỜNG	64.000
115	ĐƯỜNG 58-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	64.000
116	ĐƯỜNG 59-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	64.000
117	ĐƯỜNG 60-AP	ĐƯỜNG 51-AP	THÂN VĂN NHIẾP	64.000
118	ĐƯỜNG 61-AP	ĐƯỜNG 51-AP	ĐƯỜNG 53-AP	64.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
119	ĐƯỜNG 62-AP	ĐƯỜNG 53-AP	ĐƯỜNG 54-AP	64.000
120	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
121	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	84.200
122	ĐƯỜNG 2 (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỬA), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	84.200
123	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
124	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIỀN ĐÔNG	81.000
125	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 8	60.800
126	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	64.000
127	ĐƯỜNG 7, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	60.800
128	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	81.000
129	ĐƯỜNG 9, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	57.500
130	ĐƯỜNG 10, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	71.300
131	ĐƯỜNG 11, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
132	ĐƯỜNG 12, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
133	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	73.700
134	ĐƯỜNG 14, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	60.800
135	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	73.700
136	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	73.700
137	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	56.700
138	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	52.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
139	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
140	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
141	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ, (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
142	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	51.000
143	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIỆP	CUỐI ĐƯỜNG	54.000
144	THÂN VĂN NHIỆP	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	54.000
145	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	54.000
146	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	54.000
147	ĐƯỜNG SỐ 4 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	54.000
148	ĐƯỜNG SỐ 5 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	THÂN VĂN NHIỆP	54.000
149	ĐƯỜNG SỐ 6 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	54.000
150	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (KHU DÂN CƯ SÔNG GIỒNG), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	54.000
151	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	74.500
152	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	81.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
153	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
154	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
155	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
156	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
157	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		106.900
158	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	ĐƯỜNG GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	115.000
159	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.000
160	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
161	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
162	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
163	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
164	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KPI, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
165	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
166	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.000
167	ĐƯỜNG SỐ 9 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.000
168	ĐƯỜNG E (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
169	ĐƯỜNG F (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	90.000
170	ĐƯỜNG G (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG BÌNH KHÁNH	95.000
171	ĐƯỜNG 6, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	73.700
172	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	84.200
173	ĐÔNG VĂN CÔNG	MAI CHÍ THỌ	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2	66.200
		CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	66.200
174	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG DẪN CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIẦY	CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 1	66.200
		CẦU GIỒNG ÔNG TỐ 1	VÕ CHÍ CÔNG	66.200
		VÕ CHÍ CÔNG	PHÀ CÁT LÁI	66.200
175	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NÃO	MAI CHÍ THỌ	82.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
176	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	79.400
177	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	79.400
178	VŨ TÔNG PHAN	NGUYỄN HOÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	79.400
179	TRẦN LỰU	VŨ TÔNG PHAN	CUỐI ĐƯỜNG	79.400
180	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	70.500
181	ĐƯỜNG SỐ 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CUỐI ĐƯỜNG	70.500
182	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NẢO	NGUYỄN QUÝ CẢNH	70.500
183	THÁI THUẬN	NGUYỄN QUÝ CẢNH	CUỐI ĐƯỜNG	70.500
184	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	77.000
185	ĐƯỜNG 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
186	NGUYỄN QUÝ CẢNH	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	77.000
187	ĐƯỜNG 8A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
188	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	THÁI THUẬN	70.500
189	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	VŨ TÔNG PHAN, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	70.500
190	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	70.500
191	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	70.500
192	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	77.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
193	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	70.500
194	DƯƠNG VĂN AN	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
195	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
196	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
197	ĐƯỜNG 18A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
198	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
199	ĐƯỜNG SỐ 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	77.000
200	ĐƯỜNG SỐ 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐƯỜNG 16 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
201	ĐƯỜNG SỐ 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	DƯƠNG VĂN AN	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	68.900
202	ĐƯỜNG SỐ 24 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	70.500
203	ĐƯỜNG SỐ 25 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐỖ PHÁP THUẬN	70.500
204	ĐƯỜNG SỐ 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỖ PHÁP THUẬN	ĐƯỜNG 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	70.500
205	ĐƯỜNG SỐ 29 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		70.500
206	CAO ĐỨC LÂN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	NGUYỄN HOÀNG	77.000
207	ĐỖ PHÁP THUẬN	CAO ĐỨC LÂN	ĐƯỜNG 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
208	BÙI TÁ HÁN	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
209	ĐƯỜNG SỐ 31A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	67.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
210	ĐƯỜNG SỐ 31B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	77.000
211	ĐƯỜNG SỐ 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
212	ĐƯỜNG SỐ 31D (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
213	ĐƯỜNG SỐ 31E (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
214	ĐƯỜNG SỐ 31F (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	77.000
215	ĐƯỜNG SỐ 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CAO ĐỨC LÂN	TRẦN LỰU	70.500
216	ĐƯỜNG SỐ 33 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		70.500
217	ĐƯỜNG SỐ 34 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	70.500
218	ĐƯỜNG SỐ 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	70.500
219	ĐƯỜNG SỐ 36 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	ĐƯỜNG 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	70.500
220	ĐƯỜNG SỐ 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	CAO ĐỨC LÂN	70.500
221	ĐƯỜNG 3,5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	44.200
222	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	52.200
		ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	52.200
223	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	52.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
224	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	44.200
225	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
226	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
227	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	48.200
228	ĐƯỜNG 13, 15, 16 PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
229	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
230	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
231	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
232	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
233	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
		ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	44.200
234	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	44.200
235	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
236	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
237	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	44.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
238	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
239	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
240	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
241	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
242	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	45.100
243	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	46.100
244	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIÊM	46.100
		KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
245	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	46.100
246	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	45.100
247	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
248	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	47.500
249	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
250	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN ĐÔN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	37.100
251	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	42.100
252	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
253	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
254	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
255	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	51.100
256	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	54.100
257	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	48.200
258	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	60.200
259	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
260	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	54.100
261	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	54.100
262	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐỖ XUÂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	54.100
263	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
264	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 53, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
265	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
266	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	54.100
267	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG - CTY SÀI GÒN MÙA XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		62.100
268	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), P. BÌNH TRUNG ĐÔNG, P. BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	66.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
269	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	62.100
270	ĐƯỜNG SỐ 6 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	62.100
271	ĐƯỜNG SỐ 8 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN TÂN HOÀN MỸ), PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	62.100
272	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	54.100
273	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
		HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
		ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
274	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.500
275	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	29.700
276	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	BÁT NÀN	55.400
277	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
278	ĐƯỜNG 53-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	50.200
279	BÁT NÀN	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
280	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
281	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	52.200
282	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	ĐƯỜNG 47-BTT	ĐƯỜNG 53-BTT	50.200
283	ĐƯỜNG 47-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	50.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
284	ĐƯỜNG 48-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	50.200
285	ĐƯỜNG 49-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	50.200
286	ĐƯỜNG 50-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	50.200
287	ĐƯỜNG 51-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	50.200
288	ĐƯỜNG 52-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	50.200
289	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		29.700
290	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
291	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
		ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
292	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
293	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	52.200
294	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
295	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIỒNG ÔNG TỐ	44.200
296	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
297	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
298	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
299	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
300	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	40.100
301	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	44.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
302	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
303	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	37.100
304	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ HỮU KIỀU	40.100
305	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	44.200
306	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
307	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
308	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	44.200
309	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
310	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	NGUYỄN DUY TRINH	40.100
311	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	40.100
312	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
313	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	44.200
314	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	52.200
315	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	35.200
316	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	40.100
317	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	CUỐI ĐƯỜNG	40.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
318	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	40.100
319	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	44.200
320	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		44.200
321	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	37.100
322	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	CUỐI ĐƯỜNG	37.100
323	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	57.400
324	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIÒNG ÔNG TỐ 1	CẦU XÂY DỰNG	66.200
325	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN TUYẾN	48.600
326	NGUYỄN TUYẾN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
327	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	54.000
328	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	54.000
329	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		43.300
330	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	36.500
331	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	49.300
332	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐÔNG VĂN CỐNG	THÍCH MẬT THỂ	44.600
333	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	49.300
334	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐÔNG VĂN CỐNG	44.600
335	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	36.500
336	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
337	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	41.900
338	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		32.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
339	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
340	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
341	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
342	THẠNH MỸ LỢI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	49.300
343	THÍCH MẬT THỂ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐÔNG VĂN CÔNG	52.700
344	TRỊNH KHẮC LẬP, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐÔNG VĂN CÔNG	55.100
345	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	39.900
346	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
347	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	43.300
348	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI - PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	43.300
349	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
350	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
351	ĐƯỜNG 12,13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		37.800
352	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	47.500
353	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	47.500
354	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	50.500
355	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	45.500
356	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NÓI DÀI	39.900
357	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	37.200
358	LÊ PHỤNG HIẾU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CẢNG CÁT LÁI	37.200
359	LÊ VĂN THỊNH NÓI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÊ VĂN THỊNH -ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	50.500
360	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	47.500
361	NGUYỄN ĐÔN TIẾT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG - CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
362	HÈM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	57.200
363	ĐƯỜNG 52-TML	BÁT NÀN	LÊ HIẾN MAI	66.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
364	ĐƯỜNG 54-TML	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	66.400
365	ĐƯỜNG 55-TML	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	66.400
366	ĐƯỜNG 56-TML	ĐƯỜNG 52-TML	CUỐI ĐƯỜNG	66.400
367	ĐƯỜNG 57-TML	ĐƯỜNG 52-TML	ĐỒNG VĂN CỐNG	66.400
368	ĐƯỜNG 58-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	68.000
369	ĐƯỜNG 59-TML	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
370	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA , PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		66.400
371	ĐƯỜNG 60-TML	LÊ HIẾN MAI	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
372	ĐƯỜNG 61-TML	ĐƯỜNG 62-TML	ĐƯỜNG 60-TML	66.400
373	ĐƯỜNG 68-TML	TRỌN ĐƯỜNG		66.400
374	ĐƯỜNG 62-TML	NGUYỄN THANH SƠN	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
375	ĐƯỜNG 64-TML	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML	68.000
376	ĐƯỜNG 67-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	64.000
377	ĐƯỜNG 69-TML	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	66.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
378	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M – KDC CÁT LÁI 152,92HA	TRỌN ĐƯỜNG		38.800
379	ĐƯỜNG 43-CL	ĐƯỜNG 71-CL	ĐƯỜNG 69-CL	47.000
380	ĐƯỜNG 57-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.200
381	ĐƯỜNG 60-CL	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
382	ĐƯỜNG 65-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	43.700
383	ĐƯỜNG 66-CL	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 57-CL	42.100
384	ĐƯỜNG 69-CL	TRỌN ĐƯỜNG		49.900
385	ĐƯỜNG 70-CL	ĐƯỜNG 57-CL	DỰ ÁN CÔNG TY CP XD SÀI GÒN	47.000
386	MAI CHÍ THỌ	HÀM SÔNG SÀI GÒN	NÚT GIAO CÁT LÁI - XA LỘ HÀ NỘI	132.000
387	ĐƯỜNG 10A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ - AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	70.500
388	ĐƯỜNG SỐ 12A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN LỰU	ĐƯỜNG 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	70.500
389	ĐƯỜNG SỐ 27A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 26 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	70.500
390	ĐƯỜNG SỐ 43-BTT	LÊ VĂN THỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	51.500
391	ĐƯỜNG SỐ 44-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		43.600
392	ĐƯỜNG SỐ 45-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		43.600
393	PHAN VĂN ĐÁNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	77.800
394	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KÍNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	77.800
395	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÊ HỮU KIÊU	CUỐI ĐƯỜNG	77.800
396	NGUYỄN VĂN KÍNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	BÁT NÀN	CUỐI ĐƯỜNG	77.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
397	NGUYỄN THANH SƠN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	77.800
398	LÊ HIỀN MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	77.800
399	TÀ HIỆN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	77.800
400	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	ĐƯỜNG 103-TML	77.800
401	NGUYỄN ĐỊA LỖ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
402	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	77.800
403	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐỒNG VĂN CỐNG	CUỐI ĐƯỜNG	77.800
404	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
405	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯỞNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	72.900
406	TRƯỞNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	ĐỒNG VĂN CỐNG	CUỐI ĐƯỜNG	77.800
407	NGUYỄN QUANG BẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯỞNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
408	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	77.800
409	PHẠM THẬN DUẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	64.000
410	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	63.200
411	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	63.200
412	PHẠM ĐÓN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	64.000
413	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	63.200
414	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
415	QUÁCH GIAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1), PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	CUỐI ĐƯỜNG	63.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
416	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
417	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	40.100
418	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỖ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
419	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐỖ XUÂN HỢP	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
420	ĐƯỜNG 41-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
421	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
422	ĐƯỜNG 43-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
423	ĐƯỜNG 44-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
424	ĐƯỜNG 45-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
425	ĐƯỜNG 46-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	49.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
426	ĐƯỜNG 47-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
427	ĐƯỜNG 48-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 40-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 42-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	49.400
428	ĐƯỜNG 49-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
429	ĐƯỜNG 50-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	ĐƯỜNG 39-AP (QH TĐC KHU LH TĐTT VÀ NHÀ Ở RẠCH CHIẾC)	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
430	ĐƯỜNG TRONG DỰ ÁN CÔNG TY CARIC	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
431	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	54.100
432	ĐƯỜNG 52, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		54.100
433	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
434	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		51.100
435	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
436	ĐƯỜNG 59, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 51, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	51.100
437	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	60.200
438	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		60.200
439	ĐƯỜNG 46-BTT	TRỌN ĐƯỜNG		46.100
440	VỎ CHỈ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ MỸ	66.200
441	ĐƯỜNG 53-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HÀ ĐÔ)	BÁT NÀN	TẠ HIỆN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
442	ĐƯỜNG 63-TML (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG TY HUY HOÀNG - 174HA)	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
443	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
444	ĐƯỜNG 66-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 65-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH TRUNG TIẾN)	68.000
445	ĐƯỜNG 70-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	68.000
446	ĐƯỜNG 71-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	68.000
447	ĐƯỜNG 72-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 69-TML	68.000
448	ĐƯỜNG 73-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	68.000
449	ĐƯỜNG 74-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	CUỐI ĐƯỜNG	68.000
450	ĐƯỜNG 75-TML (DỰ ÁN CÔNG TY TNHH ĐÁ BÌNH DƯƠNG)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN MỘNG TUẤN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
451	ĐƯỜNG 76-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	68.000
452	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	68.000
453	ĐƯỜNG 78-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 77-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐỒNG VĂN CÔNG	68.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
454	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
455	ĐƯỜNG 80-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	ĐƯỜNG 79-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	CUỐI ĐƯỜNG	68.000
456	ĐƯỜNG 81-TML (DỰ ÁN CÔNG TY KCN SÀI GÒN)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
457	ĐƯỜNG 82-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
458	ĐƯỜNG 83-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN ĐỊA LÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
459	ĐƯỜNG 84-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
460	ĐƯỜNG 85-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
461	ĐƯỜNG 86-TML (DỰ ÁN CÔNG TY QUANG TRUNG)	LÂM QUANG KY, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	68.000
462	ĐƯỜNG 87-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	68.000
463	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	68.000

DU

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
464	ĐƯỜNG 89-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
465	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	QUÁCH GIAI	68.000
466	ĐƯỜNG 91-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SŨ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
467	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	68.000
468	ĐƯỜNG 93-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 92-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	68.000
469	ĐƯỜNG 94-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SŨ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
470	ĐƯỜNG 95-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SŨ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
471	ĐƯỜNG 96-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 88-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	SŨ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
472	ĐƯỜNG 97-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
473	ĐƯỜNG 98-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	68.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
474	ĐƯỜNG 99-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	CUỐI ĐƯỜNG	68.000
475	ĐƯỜNG 100-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
476	ĐƯỜNG 101-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	68.000
477	ĐƯỜNG 102-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	68.000
478	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	BÁT NÀN	ĐƯỜNG 90-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CPĐT THỦ THIÊM)	77.800
479	ĐƯỜNG 104-TML (DỰ ÁN CÔNG TY HUY HOÀNG + CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		77.800
480	ĐƯỜNG 31-CL (ĐƯỜNG N1- KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	37.300
481	ĐƯỜNG 33-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 69-CL	37.300
482	ĐƯỜNG 34-CL	TRỌN ĐƯỜNG		42.900
483	ĐƯỜNG 35-CL	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 66-CL	45.400
484	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M ĐẾN 12M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		39.700
485	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 14M ĐẾN 18M - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		37.300
486	ĐƯỜNG N4, D4, D5 - KHU ĐÔ THỊ CÁT LÁI 44HA	TRỌN ĐƯỜNG		37.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
487	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M ĐẾN 12M - (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
488	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M - (KHU NHÀ Ở 280 LƯƠNG ĐỊNH CỬA), KPI, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
489	ĐƯỜNG A (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	72.900
490	ĐƯỜNG C (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	72.900
491	ĐƯỜNG D (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	ĐƯỜNG SỐ 7 (DỰ ÁN 17,3HA), PHƯỜNG AN PHÚ - PHƯỜNG AN KHÁNH	72.900
492	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		70.500
493	ĐƯỜNG 43 (KHU NHÀ Ở MỸ MỸ - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		77.000
494	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M (KHU A - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		70.500
495	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY (DỰ ÁN 131)	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	ĐƯỜNG SỐ 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	73.700
496	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 12M (KHU B VÀ KHU C - DỰ ÁN 131HA)	TRỌN ĐƯỜNG		70.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
497	ĐƯỜNG D (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
498	ĐƯỜNG K (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
499	ĐƯỜNG M (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
500	ĐƯỜNG R (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG D (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỒ XUÂN HỢP	49.400
501	ĐƯỜNG S (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG K (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG T (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	49.400
502	ĐƯỜNG T (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG S (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
503	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M - 12M (KHU 30, 1HA NAM RẠCH CHIẾC - LAKEVIEW), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
504	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M - 10M (KHU TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3 THUỘC KHU 30HA NAM RẠCH CHIẾC), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		61.000
505	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU LIÊN HỢP TĐTT RẠCH CHIẾC	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	82.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
506	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	44.200
507	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	48.200
508	HỒ THỊ NHUNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	66.200
509	ĐƯỜNG 45 (KHU DÂN CƯ LAN ANH), PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		71.300
510	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG THẢO DIÊN	QUỐC HƯƠNG	XUÂN THỦY	71.300
511	AN TƯ CÔNG CHÚA	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHÍ THỌ	109.400
512	LƯU ĐÌNH LỄ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	MAI CHÍ THỌ	109.400
513	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 38,4HA, PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		72.900
514	ĐƯỜNG BẮC NAM III, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA - 87HA), PHƯỜNG AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	74.500
515	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		76.000
516	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		67.000
517	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		67.000
518	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	68.000
519	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ NAM RẠCH CHIẾC (60,21HA), PHƯỜNG AN PHÚ	68.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
520	ĐƯỜNG SONG HÀNH HƯỚNG NAM ĐƯỜNG CAO TỐC TPHCM - LONG THÀNH - DẦU GIẦY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐỒ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG-AN PHÚ	61.600
521	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ DỰ ÁN 4,8HA CÔNG TY PHÚ NHUẬN - 87HA, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		70.500
522	ĐƯỜNG 46-CL	ĐƯỜNG 69-CL	ĐƯỜNG 60-CL	49.900
523	ĐƯỜNG 71-CL	TRỌN ĐƯỜNG		40.400
524	ĐƯỜNG 71A-TML (DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐƯỜNG 103-TML (DỰ ÁN 143HA VÀ DỰ ÁN CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THỦ THIÊM)	68.000
525	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN 143HA, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		63.200
526	TINH THIỀU	DƯƠNG THANH	PHẠM VĂN NGÔN	105.300
527	BẠCH ĐÔNG ÔN	LƯƠNG ĐÌNH CỬA	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	105.300
528	PHẠM VĂN NGÔN	AN TƯ CÔNG CHÚA	CUỐI ĐƯỜNG	105.300
529	DƯƠNG THANH	AN TƯ CÔNG CHÚA	BẠCH ĐÔNG ÔN	105.300
530	DƯƠNG LÂM	AN TƯ CÔNG CHÚA	CẦU ÔNG TRANH 2	105.300
531	ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG	LƯU ĐÌNH LỄ	BẠCH ĐÔNG ÔN	105.300
532	ĐẶNG BÌNH THÀNH	AN TƯ CÔNG CHÚA	LƯU ĐÌNH LỄ	105.300

533	TRẦN BẠCH ĐĂNG	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	NÚT GIAO ĐƯỜNG BÙI THIỆN NGỘ VÀ ĐƯỜNG TỐ HỮU	295.000
534	TỐ HỮU	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH PHƯỜNG THỦ THIÊM	ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG VÀ ĐƯỜNG BÙI THIỆN NGỘ	295.000
535	NGUYỄN THIỆN THÀNH	TRẦN BẠCH ĐĂNG	NÚT GIAO ĐƯỜNG TRẦN BẠCH ĐĂNG, ĐƯỜNG TỐ HỮU	295.000
536	NGUYỄN CƠ THẠCH	CẦU THỦ THIÊM 1	BÙI THIỆN NGỘ	295.000
537	HOÀNG THẾ THIỆN	NGUYỄN CƠ THẠCH	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
538	ĐƯỜNG N1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG R7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D1, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
539	ĐƯỜNG D1, ĐƯỜNG R5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	163.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
540	ĐƯỜNG D9, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	NGUYỄN CƠ THẠCH	HOÀNG THẾ THIỆN	163.000
541	ĐƯỜNG D8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	163.000
542	ĐƯỜNG D7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N13, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
543	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	MAI CHÍ THỌ	163.000
544	ĐƯỜNG D5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
545	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		163.000
546	ĐƯỜNG D3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
547	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	HOÀNG THẾ THIỆN	BÙI THIỆN NGỘ	163.000
548	ĐƯỜNG N8, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	163.000
549	ĐƯỜNG B2, B8, B10, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
550	ĐƯỜNG B4, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
551	ĐƯỜNG SỐ 10, ĐƯỜNG N2, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG D6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
552	ĐƯỜNG B6, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
553	ĐƯỜNG B12, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	BÙI THIỆN NGỘ	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
554	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	ĐƯỜNG SỐ 12, ĐƯỜNG N7, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	163.000
555	ĐƯỜNG SỐ 7, ĐƯỜNG B3, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIỆN NGỘ	163.000
556	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN LỢI ĐÔNG	MAI CHÍ THỌ	BÙI THIỆN NGỘ	163.000
557	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI KHU TRONG KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		163.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
558	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10m KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		54.000
559	ĐƯỜNG NỘI BỘ 22,6M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		76.000
560	ĐƯỜNG NỘI BỘ 24M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		79.000
561	ĐƯỜNG NỘI BỘ 30M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,8HA PHƯỜNG AN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.000
II	QUẬN 9 (CŨ)			
562	BÙI QUỐC KHÁI	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
563	BỤNG ÔNG THOÀN	NGUYỄN DUY TRINH	ĐÌNH PHONG PHÚ	45.400
564	CẦU ĐÌNH	LONG PHƯỚC	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	25.100
565	CẦU XÂY	ĐẦU TUYẾN (HOÀNG HỮU NAM)	CUỐI TUYẾN NAM CAO	50.200
566	CẦU XÂY 2	ĐẦU TUYẾN NAM CAO	CUỐI TUYẾN (CẦU XÂY 1)	56.000
567	DÂN CHỦ, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY BỘT GIẶT VISO	53.500
568	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 3 BỤNG ÔNG THOÀN	56.700
569	ĐẠI LỘ 2, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
570	ĐẠI LỘ 3, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
571	ĐÌNH PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
572	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 4 BÌNH THÁI	CẦU NĂM LÝ	66.200
		CẦU NĂM LÝ	NGUYỄN DUY TRINH	66.200
573	ĐƯỜNG 100A (ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 6 CŨ), PHƯỜNG TÂN PHÚ	CẦU XÂY	ĐƯỜNG 671	45.400
574	ĐƯỜNG 100, KHU PHỐ 1, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1A	CÔNG 1 SUỐI TIỀN	45.400
		CÔNG 1 SUỐI TIỀN	NAM CAO	40.900
575	ĐƯỜNG 109, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
576	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	36.500
577	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG 8	48.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
578	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG 11	48.600
579	ĐƯỜNG 1-20, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		50.100
580	ĐƯỜNG 120, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
581	ĐƯỜNG 138, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	45.400
582	ĐƯỜNG 144, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	45.400
583	ĐƯỜNG 147, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
584	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
585	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
586	ĐƯỜNG 160, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
587	ĐƯỜNG 179, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
588	ĐƯỜNG 185, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
589	ĐƯỜNG 18A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 9	50.200
590	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐẠI LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 6D	50.200
591	ĐƯỜNG 197, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
592	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		50.200
593	ĐƯỜNG 215, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
594	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
595	ĐƯỜNG 22-25, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		50.200
596	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	34.500
597	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
598	ĐƯỜNG 245, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
599	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	28.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
600	ĐƯỜNG 297, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
601	ĐƯỜNG 339, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
602	ĐƯỜNG 359, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	36.500
603	ĐƯỜNG 400, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1	HOÀNG HỮU NAM	55.900
604	ĐƯỜNG 442, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	LÃ XUÂN OAI	48.600
605	ĐƯỜNG 475, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
606	ĐƯỜNG TRẦN THỊ ĐIỀU, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TĂNG NHƠN PHÚ		55.900
		TRỌN ĐƯỜNG	NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	55.900
607	ĐƯỜNG 671, PHƯỜNG TÂN PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
608	ĐƯỜNG 6A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG 18B	50.200
609	ĐƯỜNG 6B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	50.200
610	ĐƯỜNG 6C, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	50.200
611	ĐƯỜNG 6D, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG SỐ 21	50.200
612	ĐƯỜNG 79, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
613	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ TƯ	TRỌN ĐƯỜNG		42.100
614	ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		55.100
615	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		56.700
616	HỒ THỊ TƯ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYÊN	90.700
617	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
618	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	NGUYỄN XIỂN	35.600
619	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG BÌNH	LONG SƠN	CUỐI ĐƯỜNG	37.900
620	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
621	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	TAM ĐA	SÔNG TÁC	38.900
622	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 11	32.500
623	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
624	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	35.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
625	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
626	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	HOÀNG HỮU NAM	50.200
627	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
628	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
629	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐÌNH PHONG PHÚ	36.500
630	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
631	ĐƯỜNG SỐ 207, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
632	ĐƯỜNG SỐ 236, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
633	ĐƯỜNG SỐ 265, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	MAN THIÊN	53.500
634	ĐƯỜNG SỐ 275, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	53.500
635	ĐƯỜNG SỐ 311, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	53.500
636	ĐƯỜNG SỐ 379, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
637	ĐƯỜNG SỐ 385, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
638	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
639	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
640	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIỂN	SÔNG ĐÔNG NAI	33.200
641	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	NHÀ SỐ 22, ĐƯỜNG SỐ 6 (Thửa 11,12 tờ bản đồ số 7)	38.900
642	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	DỰ ÁN ĐỒNG TĂNG LONG	33.200
643	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
644	ĐƯỜNG SỐ 68, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYỀN	55.900
645	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	38.900
646	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	36.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
647	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
648	ĐƯỜNG SỐ 85, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	TÂN LẬP I	55.900
649	ĐƯỜNG SỐ 904, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	QUỐC LỘ 22	TÂN HOÀ II	90.700
650	ĐƯỜNG TỔ 1 KHU PHỐ LONG HÒA	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
651	GỖ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
652	GỖ NỘI	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
653	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
654	HÀNG TRE	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	47.800
655	HỒ BÁ PHÂN	TÂY HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	55.900
656	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
657	HÔNG SÊN	ĐẦU TUYẾN (BÙI QUỐC KHÁI)	CUỐI ĐƯỜNG (ĐƯỜNG 24)	36.500
658	HUỲNH THỨC KHÁNG	NGÔ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	53.500
659	ÍCH THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
660	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	NGÔ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	55.900
661	LÃ XUÂN OAI	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CẦU TẮNG LONG	62.400
		CẦU TẮNG LONG	NGÃ BA LONG TRƯỜNG	59.900
662	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
663	LÊ VĂN VIỆT	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	123.900
		NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	CẦU BẾN NỌC	95.400
		CẦU BẾN NỌC	NGÃ 3 MỸ THÀNH	73.400
664	LÒ LU	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	55.900
665	LONG PHƯỚC	CẦU LONG ĐẠI	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
666	LONG SƠN	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	42.300
667	LONG THUẬN	NGÃ 3 LONG THUẬN	LONG PHƯỚC	42.100
668	MẠC HIÊN TÍCH - PHƯỜNG LÔNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
669	MAN THIÊN	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	68.900
670	NAM CAO	TRỌN ĐƯỜNG		53.500
671	NAM HÒA	TÂY HÒA	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	55.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
672	NGÔ QUYÊN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
673	NGUYỄN CÔNG TRỨ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN HƯNG ĐẠO - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	53.500
674	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU XÂY DỰNG	NGÃ 3 LONG THUẬN	59.100
675	NGUYỄN THÁI HỌC - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRẦN QUỐC TOÀN - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	53.500
676	NGUYỄN VĂN TĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		60.800
677	NGUYỄN VĂN THANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	BÙI QUỐC KHÁI	36.500
678	NGUYỄN XIÊN	NGÃ 3 LONG THUẬN	CUỐI ĐƯỜNG	56.600
679	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
680	PHAN ĐẠT ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
681	PHAN ĐÌNH PHÙNG	KHÔNG TỬ - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ LỢI - PHƯỜNG HIỆP PHÚ	53.500
682	PHƯỚC THIÊN - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
683	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
684	QUANG TRUNG (NÓI DÀI)	ĐƯỜNG 12	CUỐI TUYẾN	90.700
685	TAM ĐA	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU HAI TỶ	48.400
		CẦU HAI TỶ	RẠCH MƯƠNG	43.700
		RẠCH MƯƠNG	SÔNG TẮC (ĐOẠN THEO HƯỚNG TUYẾN MỚI)	39.700
686	TÂN HOÀ II	TRƯƠNG VĂN THÀNH	MAN THIÊN	68.900
687	TÂN LẬP I, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	QUỐC LỘ 50	90.700
688	TÂN LẬP II	TRỌN ĐƯỜNG		68.900
689	TĂNG NHƠN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		55.100
690	TÂY HOÀ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	ĐỔ XUÂN HỢP	63.200
691	TRẦN HƯNG ĐẠO	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	55.900
692	TRẦN QUỐC TOÀN	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	53.500
693	TRẦN TRỌNG KHIÊM - PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
694	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
695	TRƯƠNG HANH	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
696	TRƯỜNG LƯU	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	50.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
697	TRƯỜNG VĂN HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		55.900
698	TRƯỜNG VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		90.700
699	TÚ XƯƠNG	PHAN CHU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	53.500
700	VÕ VĂN HÁT	TRỌN ĐƯỜNG		43.700
701	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CẦU RẠCH CHIẾC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	64.800
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	58.300
702	VÕ CHÍ CÔNG	CẦU BÀ CUA	CẦU PHÚ HỮU	56.700
703	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	31.600
704	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 20 (THỬA 30, TỜ 06)	31.600
705	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	NHÀ SỐ 48 (THỬA 04, TỜ 07)	31.600
706	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
707	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
708	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
709	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
710	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
711	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
712	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
713	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
714	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
715	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
716	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
717	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
718	ĐƯỜNG SỐ 295, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	ĐƯỜNG SỐ 154, PHƯỜNG TÂN PHÚ	45.400
719	ĐƯỜNG SỐ 319, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	45.400
720	ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	PHƯỜNG HIỆP PHÚ	48.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
721	ĐƯỜNG 106, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	MAN THIÊN	ĐƯỜNG 379	46.200
722	ĐƯỜNG 429, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG 385	48.600
723	ĐƯỜNG 441, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
724	ĐƯỜNG 447, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
725	ĐƯỜNG 448, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
726	ĐƯỜNG 449, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
727	ĐƯỜNG 455, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
728	ĐƯỜNG 591, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
729	ĐƯỜNG 102, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
730	ĐƯỜNG 182, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
731	ĐƯỜNG 494, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	HẸM SỐ 32	51.000
		HẸM SỐ 32	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÀNG TẮNG PHÚ	46.200
732	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
733	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	36.500
734	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	CUỐI ĐƯỜNG	34.800
735	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	36.500
736	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TẮNG NHƠN PHÚ	ĐÌNH PHONG PHÚ	46.200
737	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	34.800
738	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A - PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	34.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
739	ĐƯỜNG SỐ 96, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TRƯỜNG VĂN THÀNH	TÂN HÒA 2	34.000
740	ĐƯỜNG SỐ 147, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP II	XA LỘ HÀ NỘI	53.500
741	TỰ DO, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	DÂN CHỦ	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
742	ĐƯỜNG DI, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	90.700
743	ĐƯỜNG SỐ 77, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	TÂN LẬP I	TÂN LẬP II	55.100
744	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		33.100
745	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		34.700
746	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		38.100
747	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		41.400
748	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 30M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG BÌNH, LONG THẠNH MỸ GIAI ĐOẠN 1, 2	TRỌN ĐƯỜNG		51.400
749	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở CBCNV TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ BẮN CÔNG, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		33.300
750	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ AN VIỆT, PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		40.800
751	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ MẠNH THIỆN 3	TRỌN ĐƯỜNG		57.000
752	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KHANG ĐIỀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		56.000
753	ĐƯỜNG NỘI BỘ DỰ ÁN KHU NHÀ Ở KIẾN Á, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		56.000
754	ĐƯỜNG NỘI BỘ 10M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		37.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
755	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		37.700
756	ĐƯỜNG NỘI BỘ 15M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		38.000
757	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
758	ĐƯỜNG NỘI BỘ 40M KHU ĐÔ THỊ ĐÔNG TĂNG LONG, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TRỌN ĐƯỜNG		74.000
759	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		31.000
760	ĐƯỜNG NỘI BỘ 16M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		35.000
761	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		38.000
762	ĐƯỜNG NỘI BỘ 31M KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
763	ĐƯỜNG NỘI BỘ DƯỚI 12M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
764	ĐƯỜNG NỘI BỘ 18M KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÂY DẦU, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		50.000
III	QUẬN THỦ ĐỨC (CŨ)			
765	(ĐƯỜNG SỐ 5) BÀ GIANG	QUỐC LỘ 1K	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	36.500
766	BÌNH CHIẾU	TỈNH LỘ 43	RANH QUẬN ĐOÀN 4	48.600
767	BÔI HOÀN (ĐƯỜNG SỐ 14)	LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	42.900
768	CÂY KEO	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
769	CHƯƠNG DƯƠNG	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	55.900
770	ĐẶNG THỊ RÀNH	ĐƯƠNG VĂN CAM	TÔ NGỌC VÂN	59.100
771	ĐẶNG VĂN BI	VÕ VĂN NGÂN	NGUYỄN VĂN BÁ	64.800
772	ĐÀO TRINH NHẬT (ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LINH TÂY)	KHA VẠN CÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	70.500
773	ĐOÀN CÔNG HƠN	NGÃ BA HỒ VĂN TƯ	VÕ VĂN NGÂN	61.600
774	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
775	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	PHẠM VĂN ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
776	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	43.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
777	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	43.700
778	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	VÕ VĂN NGÂN	60.800
779	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CÂN	30.800
780	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
781	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LINH ĐÔNG - TAM PHÚ	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
782	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
783	ĐƯỜNG SỐ 36 (BẾN ĐÓ), PHƯỜNG LINH ĐÔNG	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
784	ĐƯỜNG SỐ 4 (LINH TÂY), PHƯỜNG LINH TÂY	NGÃ BA NGUYỄN VĂN LỊCH	CUỐI ĐƯỜNG	38.100
785	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
786	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
787	ĐƯỜNG SỐ 2 (PHƯỜNG LINH TRUNG)	QUỐC LỘ 1	PHẠM VĂN ĐÔNG	46.200
788	ĐƯỜNG SỐ 3- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	34.000
789	ĐƯỜNG SỐ 4- PHƯỜNG LINH TRUNG	PHẠM VĂN ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	37.300
790	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	ĐƯỜNG SỐ 7	36.500
791	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	46.200
792	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
793	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TRUNG	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 7	35.600
794	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH TRUNG	LÊ VĂN CHÍ	ĐƯỜNG SỐ 17	52.700
795	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	47.000
796	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1	XA LỘ HÀ NỘI	47.000
797	ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 3 (ĐƯỜNG CHỮ U), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
798	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
799	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 8 (HIỆP XUÂN)	33.200
800	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11 (TRƯỜNG TRE)	33.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
801	ĐƯỜNG SỐ 8, (ĐƯỜNG XUÂN HIỆP), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
802	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	ĐƯỜNG SỐ 11	33.200
803	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 8	HÈM 42 ĐƯỜNG 10	33.200
804	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LINH XUÂN	ĐƯỜNG SỐ 5 (BÀ GIANG)	CUỐI ĐƯỜNG	33.200
805	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
806	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.800
807	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG TAM BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 11	CHÙA QUAN THÁNH ĐỀ QUÂN	36.500
808	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.800
809	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	36.800
810	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TAM PHÚ	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	36.800
811	ĐƯỜNG BÌNH PHÚ, PHƯỜNG TAM PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		36.800
812	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ NỘI)	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
813	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐẶNG VĂN BI	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
814	ĐƯỜNG SỐ 8 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	36.500
815	ĐƯỜNG SỐ 9 PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	ĐẶNG VĂN BI	36.500
816	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	HỒ VĂN TƯ	CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	41.300
		CẦU PHỐ NHÀ TRÀ	ĐƯỜNG TRƯỜNG THỌ	36.500
817	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
818	ĐƯỜNG SỐ 11, (TRƯỜNG TRE)	NGÃ BA ĐƯỜNG BÀ GIANG	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	36.500
819	DÂN CHỦ PHƯỜNG BÌNH THỌ	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	72.900
820	DƯƠNG VĂN CAM	KHA VĂN CÂN	PHẠM VĂN ĐÔNG	59.100
		QUỐC LỘ 1	CHÂN CẦU VƯỢT GỖ DƯA	51.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
821	GÒ DƯA (HƯỚNG LỘ 25 PHƯỜNG TAM BÌNH)	CHÂN CẦU VƯỢT GÒ DƯA	QUỐC LỘ 1 (CHÂN CẦU VƯỢT BÌNH PHƯỚC)	42.900
822	HIỆP BÌNH	PHẠM VĂN ĐỒNG	QUỐC LỘ 13	64.800
823	HỒ VĂN TƯ	NGÃ BA KHA VẠN CÂN	ĐƯỜNG SỐ 10	61.600
		ĐƯỜNG SỐ 10	CUỐI ĐƯỜNG	59.100
824	HOÀNG DIỆU 2	KHA VẠN CÂN	LÊ VĂN CHÍ	66.400
825	KHA VẠN CÂN	NGÃ NĂM CHỢ THỦ ĐỨC	CẦU NGANG	143.400
		CẦU NGANG	PHẠM VĂN ĐỒNG	64.800
		CẦU GÒ DƯA ĐẾN CẦU BÌNH LỢI	BÊN CÓ ĐƯỜNG SẮT	42.200
		ĐƯỜNG SỐ 20 (P. HIỆP BÌNH CHÁNH) ĐẾN CẦU BÌNH LỢI	BÊN KHÔNG CÓ ĐƯỜNG SẮT	51.800
		NGÃ NĂM CHỢ THỦ ĐỨC	PHẠM VĂN ĐỒNG	70.500
826	LAM SƠN	TÔ NGỌC VÂN	LÊ VĂN NINH	55.900
827	LÊ THỊ HOA, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU	TỈNH LỘ 43	QUỐC LỘ 1	42.900
828	LÊ VĂN CHÍ	VÕ VĂN NGÂN	QUỐC LỘ 1	65.600
829	LÊ VĂN NINH	NGÃ 5 THỦ ĐỨC	DƯƠNG VĂN CAM	143.400
830	LINH ĐÔNG	PHẠM VĂN ĐỒNG	TÔ NGỌC VÂN	40.500
831	LINH TRUNG	KHA VẠN CÂN	XA LỘ HÀ NỘI	43.700
832	LÝ TẾ XUYỀN	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
833	NGÔ CHÍ QUỐC	TỈNH LỘ 43	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
834	NGUYỄN VĂN BÁ (PHƯỜNG BÌNH THỌ, TRƯỜNG THỌ)	VÕ VĂN NGÂN	CẦU RẠCH CHIẾC	64.800
835	NGUYỄN VĂN LỊCH	TÔ NGỌC VÂN	KHA VẠN CÂN	42.900
836	PHÚ CHÂU	QUỐC LỘ 1	TÔ NGỌC VÂN	48.600
837	QUỐC LỘ 13 CŨ	QUỐC LỘ 13 MỚI	QUỐC LỘ 1	51.800
		QUỐC LỘ 1	CUỐI ĐƯỜNG	51.800
838	QUỐC LỘ 13 MỚI	CẦU BÌNH TRIỆU	CẦU ÔNG DẦU	70.500
		CẦU ÔNG DẦU	NGÃ TƯ BÌNH PHƯỚC	70.500
		NGÃ TƯ BÌNH PHƯỚC	CẦU VINH BÌNH	51.800
		CẦU BÌNH PHƯỚC	NGÃ TƯ LINH XUÂN	51.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
839	QUỐC LỘ 1	NGÃ TƯ LINH XUÂN	NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	51.800
		NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	46.200
840	QUỐC LỘ 1K (KHA VẠN CÂN CŨ)	NGÃ TƯ LINH XUÂN	SUỐI NHUM (RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG)	51.800
841	TAM BÌNH	TÔ NGỌC VÂN	HIỆP BÌNH	48.600
842	TAM HÀ	TÔ NGỌC VÂN	PHÚ CHÂU	55.900
843	TAM CHÂU (TAM PHÚ-TAM BÌNH)	PHÚ CHÂU	CUỐI ĐƯỜNG	48.600
844	THỐNG NHẤT (PHƯỜNG BÌNH THỌ)	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	72.900
845	TỈNH LỘ 43	NGÃ 4 GÒ DỪA	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	48.600
846	TÔ NGỌC VÂN	KHA VẠN CÂN	PHẠM VĂN ĐỒNG	64.800
		PHẠM VĂN ĐỒNG	CẦU TRẮNG 2	55.900
		CẦU TRẮNG 2	QUỐC LỘ 1	48.600
847	TÔ VINH DIỆN	VÕ VĂN NGÂN	HOÀNG DIỆU 2	64.000
848	TRẦN VĂN NỮA (NGÕ QUYÊN)	NGUYỄN VĂN LỊCH	TÔ NGỌC VÂN	38.100
849	TRƯƠNG VĂN NGƯ	LÊ VĂN NINH	ĐẶNG THỊ RÀNH	59.100
850	TRƯỜNG THỌ (ĐƯỜNG SỐ 2)	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ NỘI)	CẦU SẮT	48.600
		CẦU SẮT	KHA VẠN CÂN	42.100
851	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	NGÃ TƯ THỦ ĐỨC	161.200
852	SONG HÀNH XA LỘ HÀ NỘI (QUỐC LỘ 52)	NGÃ TƯ THỦ ĐỨC	NÚT GIAO THÔNG THỦ ĐỨC (TRẠM 2)	58.300
853	CÁC ĐƯỜNG NHÁNH LÊN CẦU VƯỢT GÒ DỪA, PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		48.600
854	PHẠM VĂN ĐỒNG	CẦU BÌNH LỢI	CẦU GÒ DỪA	93.200
		CẦU GÒ DỪA	QUỐC LỘ 1	89.100
855	ĐƯỜNG SỐ 7, LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	42.100
856	ĐƯỜNG SỐ 22, LINH ĐÔNG	LÝ TÊ XUYỀN	ĐƯỜNG SỐ 30	35.600
857	ĐƯỜNG SỐ 25, LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	ĐƯỜNG SỐ 8	35.600
858	ĐƯỜNG SỐ 30, LINH ĐÔNG	ĐƯỜNG SẮT	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
859	ĐƯỜNG SỐ 5, HIỆP BÌNH CHÁNH	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI ĐƯỜNG	55.900
860	ĐƯỜNG SỐ 3	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
861	ĐƯỜNG SỐ 7	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
862	ĐƯỜNG SỐ 4	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
863	ĐƯỜNG SỐ 12	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	44.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
864	ĐƯỜNG SỐ 14	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	44.600
865	ĐƯỜNG SỐ 17	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
866	ĐƯỜNG SỐ 18	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
867	ĐƯỜNG SỐ 20	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
868	ĐƯỜNG SỐ 21	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
869	ĐƯỜNG SỐ 23	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
870	ĐƯỜNG SỐ 24	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
871	ĐƯỜNG SỐ 26	PHẠM VĂN ĐỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	50.200
872	ĐƯỜNG SỐ 49	KHA VĂN CÂN (CÓ ĐƯỜNG SẮT)	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
873	ĐƯỜNG B	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
874	ĐƯỜNG SỐ 36	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
875	ĐƯỜNG SỐ 40	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
876	ĐƯỜNG SỐ 12	CẦU RẠCH MÔN	NGÃ BA ĐƯỜNG SỐ 26	55.100
877	ĐƯỜNG SỐ 10 (KHU PHỐ 4, 5)	TỪ CÔNG VIÊN CHUNG CƯ OPAL RIVERSIDE	CUỐI ĐƯỜNG (GIÁP RANH NHÀ HÀNG BÊN SÔNG)	55.100
878	ĐƯỜNG SỐ 3	TỪ NHÀ SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 3	ĐẾN ĐẦU ĐƯỜNG 16	55.100
879	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐẦU ĐƯỜNG SỐ 16	GIÁP RANH ĐƯỜNG SỐ 10	55.100
880	ĐƯỜNG SỐ 5- LC	HOÀNG DIỆU 2	ĐƯỜNG SỐ 6	46.200
881	ĐƯỜNG SỐ 26, LĐ	LINH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 22	38.900
882	ĐƯỜNG SỐ 6, LĐ	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 35	35.600
883	ĐƯỜNG SỐ 8, LĐ	ĐƯỜNG SỐ 25	CUỐI ĐƯỜNG	35.600
884	Ụ GHE	BÌNH PHỦ	VÀNH ĐAI 2	26.700
885	ĐƯỜNG SỐ 2- TP	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	28.400
886	ĐƯỜNG SỐ 3- TP	TAM HÀ	HÈM 80 ĐƯỜNG 4	35.600
887	ĐƯỜNG SỐ 5- TP	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	24.300
888	ĐƯỜNG SỐ 7- TP	TÔ NGỌC VÂN	TAM CHÂU	24.300
889	ĐƯỜNG SỐ 8- TP	TÔ NGỌC VÂN	NHÀ SỐ 34 ĐƯỜNG 8	24.300
890	ĐƯỜNG SỐ 9- TP	TRỌN ĐƯỜNG		35.600
891	LÝ TẾ XUYỀN (NỘI DÀI)	CÂY KEO	TAM BÌNH	40.500
892	NGUYỄN THỊ NHUNG	QUỐC LỘ 13 MỚI	ĐƯỜNG VEN SÔNG	67.200
893	ĐINH THỊ THI	QUỐC LỘ 13 MỚI	ĐƯỜNG VEN SÔNG	67.200
894	ĐƯỜNG SỐ 1, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYÊN	35.600
895	ĐƯỜNG SỐ 2, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYÊN	35.600
896	ĐƯỜNG SỐ 3, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYÊN	35.600
897	ĐƯỜNG SỐ 4, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYÊN	35.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
898	ĐƯỜNG SỐ 6, KP.6	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	35.600
899	ĐƯỜNG SỐ 7, KP.5	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	35.600
900	ĐƯỜNG SỐ 8, KP.4	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	35.600
901	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 7, KP.5	CUỐI TUYẾN	35.600
902	ĐƯỜNG SỐ 10, KP.2	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	35.600
903	ĐƯỜNG SỐ 11, KP.3	QUỐC LỘ 13 CŨ	CUỐI TUYẾN	35.600
904	ĐƯỜNG SỐ 12, KP.2	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	35.600
905	ĐƯỜNG SỐ 15, KP.3	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	33.200
906	ĐƯỜNG SỐ 21, KP.1	QUỐC LỘ 13 MỚI	CUỐI TUYẾN	33.200
907	ĐƯỜNG 3, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	ĐƯỜNG 20, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	CUỐI TUYẾN	42.100
908	ĐƯỜNG 14, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.4	HÈM 606, QL.13, KP.4	CUỐI TUYẾN	42.100
909	ĐƯỜNG 1, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	56.700
910	ĐƯỜNG 2, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 1, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 8, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	49.400
911	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	NGUYỄN THỊ NHUNG	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	55.100
912	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	55.100
913	ĐƯỜNG 9, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 6, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 8, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	49.400
914	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 16, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	60.800
915	ĐƯỜNG 12, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	51.000
916	ĐƯỜNG 13, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	49.400
917	ĐƯỜNG 14, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 5, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	49.400
918	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	ĐƯỜNG 10, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	CUỐI ĐƯỜNG	60.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
919	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.6	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU NHÀ Ở HIỆP BÌNH, KP.6	CUỐI TUYẾN	44.600
920	ĐƯỜNG SỐ 16, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	55.100
921	ĐƯỜNG SỐ 18, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	60.800
922	ĐƯỜNG SỐ 20, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 33, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI TUYẾN	60.800
923	ĐƯỜNG SỐ 22, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	ĐƯỜNG 7, KHU NHÀ Ở VẠN PHÚC 1, KP.5	49.400
924	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	55.100
925	ĐƯỜNG SỐ 29, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 15, KHU NHÀ VẠN PHÚC	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
926	ĐƯỜNG SỐ 33, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 18, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	60.800
927	ĐƯỜNG SỐ 34, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐINH THỊ THI	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
928	ĐƯỜNG SỐ 36, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 32, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 34, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	49.400
929	ĐƯỜNG SỐ 37, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	ĐƯỜNG 32, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
930	ĐƯỜNG SỐ 50, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	TRỌN ĐƯỜNG		49.400
931	ĐƯỜNG SỐ 52, KHU NHÀ ĐÔNG NAM	NGUYỄN THỊ NHUNG	CUỐI ĐƯỜNG	49.400
932	NGUYỄN THỊ DIỆP	TỈNH LỘ 43	NGÕ CHỈ QUỐC	43.700
933	NGUYỄN THỊ THÍCH	TỈNH LỘ 43	NGÕ CHỈ QUỐC	43.700
934	ĐƯỜNG SỐ 6 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	CẦU BÌNH ĐỨC	ĐẾN ĐƯỜNG SỐ 1	42.900
935	ĐƯỜNG SỐ 11 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
936	ĐƯỜNG SỐ 15 KHU PHỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 4	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
937	ĐƯỜNG SỐ 9 KHU PHỐ 4	QUỐC LỘ 1	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
938	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 23	CUỐI ĐƯỜNG	42.900
939	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU PHỐ 4, 5, 6	GIÁP RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 3	40.500
940	ĐƯỜNG SỐ 13 KHU PHỐ 3, 4, 5	QUỐC LỘ 1	LÊ THỊ HOA	40.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
941	ĐƯỜNG SỐ 19	ĐƯỜNG SỐ 4	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
942	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU PHỐ 2 (KHU DÂN CƯ BÌNH ĐỨC)	ĐƯỜNG SỐ 15	CUỐI ĐƯỜNG	40.500
943	ĐƯỜNG SỐ 1	NGÃ 3 ĐƯỜNG SỐ 11 VÀ ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
944	ĐƯỜNG SỐ 6	NGÃ 3 ĐẶNG VĂN BI	KHO VẠN	36.500
945	ĐƯỜNG SỐ 10	NGÃ 3 HỒ VĂN TƯ	ĐƯỜNG SỐ 9	29.200
946	ĐƯỜNG SỐ 1	NGÃ 4 RMK	CUỐI ĐƯỜNG	32.400
947	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
948	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
949	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
950	ĐƯỜNG SỐ 4 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
951	ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
952	ĐƯỜNG SỐ 6 KHU DÂN CƯ TRƯỜNG THỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.200
953	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
954	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
955	ĐƯỜNG SỐ 3 KHU DÂN CƯ HIM LAM	TRỌN ĐƯỜNG		32.400
956	NGUYỄN BÁ LUẬT	VÕ VĂN NGÂN	ĐƯỜNG SỐ 4	72.900
957	ĐƯỜNG SỐ 4	DÂN CHỦ	ĐƯỜNG SỐ 9	41.300
958	ĐƯỜNG SỐ 6	DÂN CHỦ	ĐƯỜNG SỐ 9	45.400
959	ĐƯỜNG SỐ 8	NGUYỄN BÁ LUẬT	ĐƯỜNG SỐ 9	41.300
960	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐẶNG VĂN BI	ĐƯỜNG SỐ 8	45.400
961	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 9	VÕ VĂN NGÂN	64.000
962	ĐƯỜNG SỐ 13	VÕ VĂN NGÂN	HÈM 20	64.000
		HÈM 20	ĐẶNG VĂN BI	50.200
963	BÁC ÁI	VÕ VĂN NGÂN	ĐẶNG VĂN BI	56.700
964	CÔNG LÝ	CHU MẠNH TRINH	ĐẶNG VĂN BI	56.700
965	ĐOÀN KẾT	VÕ VĂN NGÂN	KHÔNG TỬ	56.700
966	ĐỘC LẬP	EINSTEIN	LÊ QUÝ ĐÔN	56.700
967	ĐỒNG TIẾN	HÔNG ĐỨC	CUỐI ĐƯỜNG	56.700
968	HÒA BÌNH	KHÔNG TỬ	ĐẶNG VĂN BI	56.700
969	HỮU NGHỊ	VÕ VĂN NGÂN	HÀN THUYỀN	56.700
970	NGUYỄN KHUYẾN	ĐOÀN KẾT	THỐNG NHẤT	56.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
971	CHU MẠNH TRINH	DÂN CHỦ	THỐNG NHẤT	56.700
972	LƯƠNG KHẢI SIÊU	DÂN CHỦ	ĐOÀN KẾT	56.700
973	HÀN THUYỀN	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
974	KHÔNG TỬ	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
975	EINSTEIN	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
976	HÔNG ĐỨC	DÂN CHỦ	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
977	LÊ QUÝ ĐƠN	BÁC ÁI	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
978	PHAN HUY CHÚ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
979	TAGORE	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
980	NGUYỄN CÔNG TRÚ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
981	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
982	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
983	CHU VĂN AN	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
984	ALEXANDREDE RHOHE	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
985	PASTEUR	THỐNG NHẤT	NGUYỄN VĂN BÁ	56.700
986	ĐƯỜNG SỐ 5, LINH TÂY	ĐƯỜNG SỐ 4	PHẠM VĂN ĐỒNG	38.100
987	ĐƯỜNG SỐ 6, LINH TÂY	PHẠM VĂN ĐỒNG	ĐƯỜNG SỐ 9	42.900
		ĐỐI DIỆN ĐƯỜNG 7	ĐƯỜNG SỐ 5, LINH TÂY	38.100
988	ĐƯỜNG SỐ 8, LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	ĐƯỜNG SỐ 9	38.100
989	ĐƯỜNG SỐ 1 -TB	QUỐC LỘ 1	PHÚ CHÂU	38.900
990	ĐƯỜNG SỐ 2 -TB	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
991	ĐƯỜNG SỐ 3 -TB	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
992	ĐƯỜNG SỐ 4-TB	TRỌN ĐƯỜNG		38.900
993	ĐƯỜNG SỐ 11-TB	ĐƯỜNG SỐ 10	NHÀ SỐ 128	40.500
994	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU CHỢ TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		50.200
995	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ SAVICO PHƯỜNG TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
996	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TAM BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		40.500
997	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ CHỢ ĐÀU MỐI NÔNG SẢN THỰC PHẨM THỦ ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		36.500
998	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TỔ 2, HÈM SỐ 10, ĐƯỜNG 7, KHU PHỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
999	ĐƯỜNG SỐ 1-LTR	PHẠM VĂN ĐỒNG	ĐƯỜNG SỐ 4	39.700
1000	ĐƯỜNG SỐ 5-LTR	HOÀNG DIỆU 2	CUỐI ĐƯỜNG	34.800
1001	ĐƯỜNG SỐ 10-LTR	ĐƯỜNG SỐ 8	LINH TRUNG	39.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
1002	ĐƯỜNG SỐ 11-LTR	LÊ VĂN CHÍ	LINH TRUNG	39.700
1003	ĐƯỜNG SỐ 12-LTR	ĐƯỜNG SỐ 13	QUỐC LỘ 1	42.900
1004	ĐƯỜNG SỐ 13-LTR	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 1	42.900
1005	ĐƯỜNG SỐ 15-LTR	CUỐI ĐƯỜNG	ĐƯỜNG SỐ 12	42.900
1006	ĐƯỜNG SỐ 2 - LX (VÀNH DAI ĐHQG)	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	36.500
1007	ĐƯỜNG SỐ 15- LX (NGUYỄN TRI PHƯƠNG - PHƯỜNG AN BÌNH, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG)	ĐƯỜNG SỐ 15	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	36.500
1008	ĐƯỜNG SỐ 2-LX, KHU TĐC 6,8HA	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG DỘC SUỐI NHUM	45.000
1009	ĐƯỜNG SỐ 4- LX, KHU TĐC 6,8 HA	ĐƯỜNG DỘC SUỐI NHUM	CUỐI ĐƯỜNG	45.000
1010	ĐƯỜNG SỐ 5- LX, KHU TĐC 6,8 HA	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG DỘC SUỐI NHUM	45.000
1011	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ 7/4A KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		56.000
1012	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU NHÀ Ở PHƯỜNG LINH TÂY (ARECO)	TRỌN ĐƯỜNG		48.000
1013	ĐƯỜNG NỘI BỘ DƯỚI 14M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		61.000
1014	ĐƯỜNG NỘI BỘ 16M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		63.000
1015	ĐƯỜNG NỘI BỘ 20M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		68.000
1016	ĐƯỜNG NỘI BỘ 25M KHU TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐẠI NHÂN PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		75.000
1017	ĐƯỜNG NỘI BỘ 8M KHU TRONG KHU DÂN CƯ BÌNH CHIÊU, PHƯỜNG BÌNH CHIÊU (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100m ² - 200m ²)	TRỌN ĐƯỜNG		46.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
1018	ĐƯỜNG NỘI BỘ 12M KHU TRONG KHU DÂN CƯ BÌNH CHIỀU, PHƯỜNG BÌNH CHIỀU (CÁC NỀN CÓ DIỆN TÍCH TỪ 100m^2 - 200m^2)	TRỌN ĐƯỜNG		49.100

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN NHÀ BÈ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	PHẠM HÙNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG	56.300
2	ĐẶNG NHỮ LÂM	HUỖNH TẤN PHÁT	KHO DẦU B	40.100
3	ĐÀO SƯ TÍCH	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU PHƯỚC LỘC	38.800
		CẦU PHƯỚC LỘC	CUỐI ĐƯỜNG	31.900
4	ĐÀO TỔNG NGUYÊN	HUỖNH TẤN PHÁT	KHO DẦU C	40.100
5	NGUYỄN VĂN RÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		30.000
6	DƯƠNG CÁT LỢI	HUỖNH TẤN PHÁT	KHO DẦU A	40.100
7	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2-3	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
8	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3-4	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN HUYỆN TẠI XÃ LONG THỜI	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
10	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH NÒ (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
11	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ THÁI SƠN (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
12	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ THANH NHỰT (XÃ PHƯỚC KIẾN)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		37.100
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 15M	TRỌN ĐƯỜNG		36.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		34.200
13	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		42.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC (XÃ LONG THỐI)	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
15	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU VỰC CẦU BÀ SÁU (XÃ NHƠN ĐỨC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		26.500
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		22.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M	TRỌN ĐƯỜNG		21.400
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỚC KIẾN GIAI ĐOẠN I (XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		33.500
17	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		37.500
18	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU LÂM TÀI CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		32.100
19	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU PETECHIM	TRỌN ĐƯỜNG		33.800
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VITACO (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
21	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRUNG TÂM SINH HOẠT THANH THiếu NIÊN (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		33.300
22	LÊ THỊ TÁM	TRỌN ĐƯỜNG		20.300
23	HUỖNH TÁN PHÁT	CẦU PHÚ XUÂN	ĐÀO TÔNG NGUYỄN	64.400
		ĐÀO TÔNG NGUYỄN	MŨI NHÀ BÈ	49.600
24	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU RẠCH ĐĨA	CẦU LONG KIẾN	47.900
		CẦU LONG KIẾN	CẦU RẠCH TÔM	37.600
		CẦU RẠCH TÔM	CẦU RẠCH DỐI	32.000
25	NGÔ QUANG THẨM	NGUYỄN VĂN TẠO	LÊ VĂN LƯƠNG	21.000
26	NGÃ BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.700
27	NGUYỄN BÌNH	HUỖNH TÁN PHÁT	CẦU MƯƠNG CHUỐI	32.300
		CẦU MƯƠNG CHUỐI	LÊ VĂN LƯƠNG	25.400
		LÊ VĂN LƯƠNG	ĐÀO SƯ TÍCH	21.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
28	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU RẠCH ĐĨA 2	CẦU BÀ CHIÊM	66.500
		CẦU BÀ CHIÊM	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC	38.500
29	NGUYỄN VĂN TẠO	NGUYỄN BÌNH	CẦU HIỆP PHƯỚC	38.500
		CẦU HIỆP PHƯỚC	SÔNG KINH LỘ	21.000
		SÔNG KINH LỘ	RANH TỈNH LONG AN	15.800
30	PHẠM HỮU LẦU	CẦU PHƯỚC LONG	LÊ VĂN LƯƠNG	40.600
31	PHAN VĂN BẦY	KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC	CẦU LONG HẬU	24.800
32	PHẠM THỊ KỲ	NGUYỄN BÌNH	NHÀ THIẾU NHI	25.800
		NGUYỄN BÌNH	CÔNG NGẮN TRIỀU	25.800
33	PHẠM THỊ QUY	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	NHÀ THIẾU NHI	25.800
34	DƯƠNG THỊ NĂM	NGUYỄN BÌNH	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ	25.800
35	LÊ THỊ KÍNH	LÊ VĂN LƯƠNG	NGUYỄN HỮU THỌ	45.000
36	TRẦN THỊ LIÊN	LÊ VĂN LƯƠNG	NGÃ RẾ NHÀ SỐ 1017/56	33.500
37	TRẦN THỊ TAO	LÊ VĂN LƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 16 KHU DÂN CƯ PHƯỚC KIÊN	33.500
38	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ HỒNG LĨNH (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
39	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ MINH LONG (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ GIA VIỆT (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
41	ĐƯỜNG VÀO DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÚ XUÂN (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
42	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ CÔNG TY DVTM-KD NHÀ SÀI GÒN MỚI (THỊ TRẤN NHÀ BÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TRẦN THÁI (XÃ PHƯỚC KIÊN)	TRỌN ĐƯỜNG		45.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN AN HUY (XÃ PHƯỚC KIÊN)	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN PHÁT HUNG (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
46	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN HUNG PHÚ (XÃ PHÚ XUÂN)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		52.500
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		48.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		44.400
47	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TRÌNH CẢNG SÀI GÒN (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		40.100
48	ĐƯỜNG NỘI BỘ - KHU DÂN CƯ COTEC (XÃ PHÚ XUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		22.700
49	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ T30 (XÃ PHƯỚC LỘC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		70.000
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 18M	TRỌN ĐƯỜNG		39.200
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		36.100
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		33.200
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CÔNG TY THANH NIÊN (XÃ PHƯỚC LỘC)	TRỌN ĐƯỜNG		21.000
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở GIÁO VIÊN LÊ HỒNG PHONG (XÃ PHƯỚC LỘC)	TRỌN ĐƯỜNG		22.300
52	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NHƠN ĐỨC (CTY VẠN PHÁT HUNG - XÃ NHƠN ĐỨC)	TRỌN ĐƯỜNG		18.400
53	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ 28 HECTA (CTY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NHÀ BÈ - XÃ NHƠN ĐỨC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 50M	TRỌN ĐƯỜNG		45.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		37.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 24M	TRỌN ĐƯỜNG		28.700
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M	TRỌN ĐƯỜNG		26.500
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 14M	TRỌN ĐƯỜNG		23.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		22.300
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M	TRỌN ĐƯỜNG		20.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
54	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VÀ NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SĨ CỤC CẢNH SÁT HÌNH SỰ (XÃ LONG THỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
55	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NHÀ (THE STAR VILLAGA - XÃ LONG THỚI)	TRỌN ĐƯỜNG		16.700
56	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SĨ BỘ CÔNG AN (TỔNG CỤC 5 - XÃ PHƯỚC KIẾN)	TRỌN ĐƯỜNG		32.500
57	HUỶNH THỊ ĐỒNG	HUỶNH TẤN PHÁT	SỐ NHÀ 1979/23	40.100
58	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ LAVILA PHƯỚC KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		45.000
59	ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG	TRỌN ĐƯỜNG		10.700
60	ĐƯỜNG RẠCH GIÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
61	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ HIỆP PHƯỚC 1 (XÃ HIỆP PHƯỚC)			
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 40M	TRỌN ĐƯỜNG		21.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M	TRỌN ĐƯỜNG		10.500

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN HÓC MÔN**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	NGUYỄN THỊ THANH	ĐẶNG THỨC VINH	KÊNH TRẦN QUANG CƠ	17.100
2	BÀ ĐIỂM 12	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	14.900
3	BÀ ĐIỂM 2	NGUYỄN THỊ SÓC	ĐƯỜNG LIÊN XÃ BÀ ĐIỂM-XUÂN THỜI THƯỢNG	14.900
4	BÀ ĐIỂM 3	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 3 ĐƯỜNG LIÊN XÃ XUÂN THỜI THƯỢNG	17.100
5	BÀ ĐIỂM 5	NGUYỄN ÁNH THỦ	PHAN VĂN HỖN	22.100
6	BÀ ĐIỂM 6	NGUYỄN ÁNH THỦ	QUỐC LỘ 22	21.100
7	NGUYỄN THỊ HUỆ	NGUYỄN ÁNH THỦ	QUỐC LỘ 22	26.300
8	THÁI THỊ GIỮ	PHAN VĂN HỖN	QUỐC LỘ 22	18.100
9	BÀ TRIỆU	QUANG TRUNG	NGÃ 4 GIỀNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	36.200
10	BÙI CÔNG TRÙNG	CẦU VÔNG	NGÃ 3 ĐỒN	22.900
11	BÙI VĂN NGŨ	NGÃ 3 BẦU	NGUYỄN ÁNH THỦ	24.900
12	ĐẶNG CÔNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
13	ĐẶNG THỨC VINH	NGÃ 3 CHÙA	NGÃ 4 THỜI TỬ	27.500
		NGÃ 4 THỜI TỬ	CẦU RẠCH TRA (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	24.000
14	ĐỖ VĂN DẬY	LÒ SÁT SINH CŨ	CẦU XÁNG	22.800
		CẦU XÁNG	NGÃ 3 LẮNG CHÀ (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	18.500
15	ĐỒNG TÂM	NGUYỄN ÁNH THỦ	QUỐC LỘ 22	15.800
16	DƯƠNG CÔNG KHI (ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN HIỆP - TÂN THỜI NHÌ-XUÂN THỜI THƯỢNG-VĨNH LỘC)	NGÃ 3 ỒNG TRÁC	NGÃ 4 HỒNG CHÂU-QUỐC LỘ 22	22.100
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	PHAN VĂN HỖN	20.000
		PHAN VĂN HỖN	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	16.000
17	ĐƯỜNG SONG HÀNH QUỐC LỘ 22	NGUYỄN ÁNH THỦ	LÝ THƯỜNG KIỆT	32.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	30.300
18	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 18	LÊ THỊ LỢ (HAT ĐIỀU HUỖNH MINH)	HƯƠNG LỘ 60 (NGÃ TƯ NGÔI)	12.200
19	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẦN TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI	12.200
20	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 15	LÊ THỊ LỢ	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	12.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 31	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	12.200
22	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẤN TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI (NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP)	12.200
23	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 7	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	LÊ THỊ LỢ	12.200
24	ĐƯỜNG TRẦN KHẮC CHÂN NÓI DÀI	RẠCH HÓC MÔN	TRẦN THỊ BỐC	22.100
25	HƯƠNG LỘ 60 (LÊ LỢI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	DƯƠNG CÔNG KHI	36.000
26	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		47.000
27	LÊ THỊ HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		40.000
28	LÊ VĂN KHƯƠNG	CẦU DỪA	ĐẶNG THỨC VINH	26.400
29	BÙI THỊ LỪNG	TRẦN KHẮC CHÂN NÓI DÀI	TRỊNH THỊ MIỀNG	17.200
30	NGUYỄN THỊ SÁU	TRẦN THỊ BỐC	NGUYỄN THỊ NGÂU	17.200
31	NGUYỄN THỊ NGÂU	ĐẶNG THỨC VINH	ĐỖ VĂN DẬY	17.200
32	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		41.700
33	NAM LÂN 4 (BÀ ĐIỀM)	BÀ ĐIỀM 12	NAM LÂN 5	17.500
34	NAM LÂN 5 (BÀ ĐIỀM)	QUỐC LỘ 1	THÁI THỊ GIỮ	17.500
35	NGUYỄN ANH THỦ	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	56.600
		QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	TÔ KÝ	66.900
		TÔ KÝ	PHƯỜNG HIỆP THÀNH- QUẬN 12	51.500
36	NGUYỄN THỊ SỐC	NGUYỄN ANH THỦ	NGÃ 3 QUỐC LỘ 22	26.300
37	NGUYỄN THỊ THỪ	NGUYỄN VĂN BỬA (TỈNH LỘ 9)	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	18.000
38	NGUYỄN VĂN BỬA	NGÃ 4 HÓC MÔN	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	37.500
		PHAN VĂN HÓN	GIÁP TỈNH LONG AN	28.900
39	VÕ THỊ ĐẦY	CẦU BÀ MỄN	ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 8	10.100
40	NHỊ BÌNH 3	Đ. BUI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	13.500
41	NHỊ BÌNH 8	Đ. BUI CÔNG TRÙNG (NGÃ 3 CÂY KHÉ)	GIÁP ĐƯỜNG NHỊ BÌNH 2	11.100
42	NHỊ BÌNH 9	Đ. BUI CÔNG TRÙNG (BÊN HÔNG ỦY BAN XÃ)	SÔNG SÀI GÒN	11.100
43	NHỊ BÌNH 9A	NHỊ BÌNH 9	NHỊ BÌNH 8	11.100
44	PHẠM VĂN SÁNG	TỈNH LỘ 14 XUÂN THỚI THƯỢNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	17.500
45	PHAN VĂN ĐÔI	PHAN VĂN HÓN	CẦU SA (GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH)	24.900
46	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1A	TRẦN VĂN MUỘI	33.700
		TRẦN VĂN MUỘI	NGUYỄN VĂN BỬA	31.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	QUANG TRUNG	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	49.000
48	QUỐC LỘ 1	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	CẦU BÌNH PHÚ TÂY	41.300
49	QUỐC LỘ 22	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	51.300
		NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	33.800
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	CẦU AN HẠ (GIÁP HUYỆN CÚ CHI)	26.100
50	HUỶNH THỊ MẠI	DƯƠNG CÔNG KHI	DƯƠNG CÔNG KHI	16.800
51	TÂN HIỆP 14-32	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 14 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 32 ĐƯỜNG TÂN HIỆP 4 NỎI DÀI	13.500
52	TÂN HIỆP 6	DƯƠNG CÔNG KHI	HƯƠNG LỘ 60	13.500
53	TÂN HIỆP 8	Đ RỒNG BANG (CHÙA CỎ XI)	HƯƠNG LỘ 65	13.500
54	THỐI TAM THÔN 13	TRỊNH THỊ MIẾNG	PHẠM THỊ GIẤY	23.800
55	LÊ THỊ LỢ	NGÃ 3 CÂY DONG	ĐƯỜNG TÂN HIỆP 6	16.800
56	TÔ KÝ	NGUYỄN ẢNH THỦ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	47.800
57	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		42.700
58	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		26.600
59	TRẦN VĂN MƯỜI	NGÃ 4 GIỀNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	PHAN VĂN HỖN	19.600
60	TRỊNH THỊ MIẾNG (ĐƯỜNG TRUNG CHÁNH-TÂN HIỆP)	BÙI VĂN NGŨ (NGÃ 3 BẦU)	NGUYỄN THỊ NGẬU	32.400
61	TRUNG ĐÔNG 11 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T2	9.200
62	TRUNG ĐÔNG 12 (THỐI TAM THÔN)	TRỊNH THỊ MIẾNG	KÊNH T1	9.200
63	TRUNG ĐÔNG 7 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGẬU	CẦU ĐỘI 4	8.600
64	TRUNG ĐÔNG 8 (THỐI TAM THÔN)	NGUYỄN THỊ NGẬU	RẠCH HÓC MÔN	8.600
65	TRUNG MỸ	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ THỊ HÀ	15.800
		LÊ THỊ HÀ	QUỐC LỘ 22	15.800
66	TRUNG NỮ VƯƠNG	QUANG TRUNG	TRẦN KHẮC CHÂN	50.900
		TRẦN KHẮC CHÂN	LÒ SÁT SINH	40.600
67	TUYÊN 9 XÃ THỐI TAM THÔN	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGUYỄN THỊ NGẬU	23.600
68	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỐI TAM THÔN	NGÃ 3 CHÙA	LÊ THỊ HÀ	20.700
69	PHẠM THỊ GIẤY	TÔ KÝ	NGUYỄN THỊ THÁNH	27.100
70	TRỊNH THỊ DỐI	NGUYỄN ẢNH THỦ	ĐẶNG THỨC VỊNH	17.100
71	VÕ THỊ HỒI	QUỐC LỘ 22	KÊNH TIÊU LIÊN XÃ	19.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
72	TRƯỜNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
73	NHỊ BÌNH 7	VỖ THỊ ĐẦY	RẠCH BÀ HỒNG	15.300
74	NHỊ BÌNH 15	TRỌN ĐƯỜNG		10.700
75	NHỊ BÌNH 14	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	11.500
76	NHỊ BÌNH 5	NHỊ BÌNH 3	RẠCH BÀ MÈN	10.700
77	NHỊ BÌNH 2+12	NHỊ BÌNH 8	BÙI CÔNG TRÙNG	20.700
78	NHỊ BÌNH 16	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	19.200
79	NHỊ BÌNH 17	BÙI CÔNG TRÙNG	SÔNG SÀI GÒN	19.200
80	NHỊ BÌNH 18	BÙI CÔNG TRÙNG	RẠCH RỒNG GÒN	15.300
81	NHỊ BÌNH 19 + HẠİ BỊCH 2	BÙI CÔNG TRÙNG	RẠCH ÚT HOÀNG	15.300
82	THỐI TAM THÔN 7	TRỊNH THỊ MIẾNG	TRẦN THỊ BỐC	23.000
83	THỐI TAM THÔN 15-16	TRỊNH THỊ MIẾNG	NGUYỄN THỊ THÀNH	23.000
84	TÂN HIỆP 16	TÂN HIỆP 18	ĐỖ VĂN DẬY	23.000
85	TÂN HIỆP 17	TÂN HIỆP 18	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - TÂN HIỆP	23.000
86	TÂN HIỆP 25	TRỌN ĐƯỜNG		23.000
87	TÂN HIỆP 39+40	TRỌN ĐƯỜNG		23.000
88	TÂN HIỆP 41	TRỌN ĐƯỜNG		23.000
89	TÂN HIỆP 47	TÂN HIỆP 18	RANH THỊ TRẦN	23.000
90	BÀ ĐIỂM 1	NGUYỄN THỊ SÓC	NGÃ 5 BD-XTT -XTĐ	9.500
91	BẮC LÂN 2	NGUYỄN THỊ SÓC	BÀ ĐIỂM 3	9.500
92	BẮC LÂN 3	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
93	TÂY BẮC LÂN	BẮC LÂN 3	KÊNH T1	9.500
94	ĐÔNG HUNG LÂN	QUỐC LỘ 22	GIÁP BÊN XE AN SƯƠNG	12.200
95	TRUNG LÂN 4	TRUNG LÂN 3	BÀ ĐIỂM 10	7.700
96	BÀ ĐIỂM 10	PHAN VĂN HỖN	THÁI THỊ GIỮ	7.700
97	BÀ ĐIỂM 11	THÁI THỊ GIỮ	GIÁP BÊN XE AN SƯƠNG	7.700
98	TIỀN LÂN 12	TRỌN ĐƯỜNG		11.500
99	TIỀN LÂN 13	QUỐC LỘ 1 A	KHU VIỆT TÂN	11.500
100	TIỀN LÂN 14	PHAN VĂN ĐỐI	TIỀN LÂN 13	11.500
101	TIỀN LÂN 15	QUỐC LỘ 1	RẠCH CẦU SA	11.500
102	BÀ ĐIỂM 9	NGUYỄN THỊ HUẾ	TRUNG LÂN 4	9.200
103	BÀ ĐIỂM 4	NGUYỄN THỊ SÓC	TRƯỜNG BÙI VĂN NGỮ	10.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
104	ĐÔNG THẠNH 7	TRỊNH THỊ DỐI	CẦU BẾN ĐÁ	11.500
		CẦU BẾN ĐÁ	RANH QUẬN 12	7.700
105	NGUYỄN THỊ PHA	ĐẶNG THỨC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	19.200
106	ĐÔNG THẠNH 4	ĐẶNG THỨC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	23.000
107	ĐÔNG THẠNH 5	ĐẶNG THỨC VỊNH	TRỊNH THỊ DỐI	19.200
108	ĐÔNG THẠNH 6	ĐÔNG THẠNH 4	TRỊNH THỊ DỐI	19.200
109	ĐÔNG THẠNH 8	LÊ VĂN KHƯƠNG	ĐÔNG THẠNH 7	15.300
110	NHỊ BÌNH 26	BÙI CÔNG TRÙNG	NHỊ BÌNH 5	15.300
111	GIÁC ĐẠO	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	THƯƠNG MẠI	23.000
112	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 1	TÔ KÝ	TRUNG MỸ	23.000
113	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 2	TRUNG MỸ	ĐÔNG TÂM	23.000
114	THIỆN QUANG	TÔ KÝ	TRUNG MỸ	23.000
115	NGUYỄN THỊ NUÔI	QUỐC LỘ 22	LÊ LỢI	15.300
116	NGUYỄN THỊ ĐÀNH	NGUYỄN VĂN BỬA	DƯƠNG CÔNG KHI	11.500
117	LÊ THỊ HỒNG GÁM	QUỐC LỘ 22	LÊ THỊ HỒNG GÁM	13.800
118	NGUYỄN THỊ LY	TRỌN ĐƯỜNG		13.800

Phụ lục 2

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN CẦN GIỜ**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ĐƯỜNG AN THỐI ĐÔNG	SÔNG SOÀI RÁP	+ 1KM	4.700
		+1KM	RỪNG SÁC	4.700
2	BÀ XÁN	RỪNG SÁC	CẦU TẮC TÂY ĐEN	4.700
3	ĐƯỜNG RA BẾN ĐÒ ĐÔNG HÒA	CẦU ĐÒ ĐÔNG HÒA	DUYÊN HẢI	6.900
4	BÙI LÂM	DUYÊN HẢI	BIÊN ĐÔNG	11.600
5	ĐẶNG VĂN KIỀU	BẾN ĐÒ CỎ KHÍ	DUYÊN HẢI	11.600
6	ĐÀO CỬ	DUYÊN HẢI	TẮC XUẤT	16.800
		TẮC XUẤT	LÊ HÙNG YÊN	16.100
		LÊ HÙNG YÊN	GIỒNG CHÁY	16.100
7	ĐỀ EC	RỪNG SÁC	TRẦN QUANG QUỠN	3.800
8	DƯƠNG VĂN HẠNH	ĐỀ MUỐI ÔNG TIỀN	AO LÀNG	6.000
		AO LÀNG	ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	7.300
		ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	ĐỀ SOÀI RÁP	6.000
9	DUYÊN HẢI	CHỢ CẦN GIỜ	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ RỪNG SÁC	15.200
		NGHĨA TRANG LIỆT SĨ RỪNG SÁC	CẦU RẠCH LỖ	13.000
		CẦU RẠCH LỖ	THẠNH THỜI	13.200
		THẠNH THỜI	NGUYỄN VĂN MẠNH (GẦN UBND XÃ CỬ)	11.400
		NGUYỄN VĂN MẠNH (GẦN UBND XÃ CỬ)	CHỢ ĐÔNG HÒA	9.700
10	ĐƯỜNG CHÍNH VÀO KHU DÂN CƯ ĐÔNG TRANH	BẾN ĐÒ ĐÔNG TRANH	DUYÊN HẢI	5.800
11	GIỒNG AO	TẮC XUẤT	GIỒNG CHÁY	8.500
12	HÀ QUANG VÓC	RỪNG SÁC	CẦU KHÁNH VĂN	4.700
		CẦU KHÁNH VĂN	ĐỀ EC	3.800
13	KHU DÂN CƯ AN PHƯỚC	TRỌN KHU		3.800
14	KHU DÂN CƯ THẠNH BÌNH	TRỌN KHU		3.000
15	KHU DÂN CƯ THẠNH HÒA	TRỌN KHU		3.000
16	KHU DÂN CƯ THIÊNG LIÊNG	TRỌN KHU		2.300
17	LÊ HÙNG YÊN	DUYÊN HẢI	LƯƠNG VĂN NHO	9.700
18	LÊ THƯƠNG	DUYÊN HẢI	ĐẶNG VĂN KIỀU	12.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐÁT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	LÊ TRỌNG MÂN	ĐÀO CỪ	CẦU CẢNG ĐÔNG LẠNH	12.300
20	LƯƠNG VĂN NHO	TẮC XUẤT	GIỒNG CHÁY	15.200
		GIỒNG CHÁY	RỪNG SÁC	15.200
21	LÝ NHƠN	RỪNG SÁC	CẦU VÀM SÁT II	4.700
		CẦU VÀM SÁT II	DƯƠNG VĂN HẠNH	4.700
22	NGUYỄN CÔNG BAO	TAM THÔN HIỆP (KM 4+660)	TAM THÔN HIỆP (KM 5+520)	4.700
23	NGUYỄN PHAN VINH	LÊ TRỌNG MÂN	BIÊN ĐÔNG	7.600
24	NGUYỄN VĂN MẠNH	DUYÊN HẢI (NGÃ 3 ÔNG THỦ)	DUYÊN HẢI (NGÃ BA ÔNG ỨT)	7.700
25	PHAN ĐỨC	DUYÊN HẢI	BIÊN ĐÔNG	7.400
26	PHAN TRỌNG TUỆ	DUYÊN HẢI	LƯƠNG VĂN NHO	7.700
27	QUẢNG XUYỀN	RẠCH GIỒNG	KÊNH BA TỔNG	4.300
28	RỪNG SÁC	PHÀ BÌNH KHÁNH	CẦU VƯỢT BẾN LỨC-LONG THÀNH	18.800
		CẦU VƯỢT BẾN LỨC-LONG THÀNH	HÀ QUANG VÓC	18.800
		HÀ QUANG VÓC	CẦU RẠCH LÁ	18.800
		CẦU RẠCH LÁ	CẦU AN NGHĨA	10.400
		CẦU HÀ THANH	DUYÊN HẢI	10.400
29	TẮC XUẤT	BẾN TẮC XUẤT	BIÊN ĐÔNG	10.400
30	TAM THÔN HIỆP	RỪNG SÁC	CẦU TẮC TÂY ĐEN	4.700
31	THẠNH THỐI	LƯƠNG VĂN NHO	DUYÊN HẢI	9.500
		DUYÊN HẢI	BIÊN ĐÔNG	9.500
32	TRẦN QUANG ĐẠO	TẮC SÔNG CHÀ	RẠCH THỦ HUY	12.200
33	TRẦN QUANG QUỠN	RỪNG SÁC	CẦU KHO ĐÔNG	4.700
		CẦU KHO ĐÔNG	ĐỀ EC	3.800
34	KHU DÂN CƯ AN HÒA	TRỌN KHU		3.800
35	KHU DÂN CƯ AN LỘC	TRỌN KHU		3.800
36	ĐƯỜNG ĐỀ SOÀI RÁP	ĐƯỜNG LÝ NHƠN	BỜ SÔNG SOÀI RÁP	4.700
		BỜ SÔNG SOÀI RÁP	DƯƠNG VĂN HẠNH	3.800
37	GIỒNG CHÁY	GIỒNG CHÁY	DUYÊN HẢI	13.000
38	ĐƯỜNG RA BÊN ĐỒ DOI LẦU	LÝ NHƠN	BÊ ĐỒ DOI LẦU (BÊN ĐỒ CŨ)	3.800
39	HÒA HIỆP	THẠNH THỐI	CẦU NỎ	9.500
		CẦU NỎ	PHAN TRỌNG TUỆ	7.600
40	ĐƯỜNG LIÊN XÃ AN THỐI ĐÔNG - LÝ NHƠN	ĐƯỜNG CẦU RẠCH GIỒNG 2	KÊNH NGAY	3.800
		KÊNH NGAY	ĐƯỜNG RA BÊN ĐỒ DOI LẦU	3.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		4.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M TRONG KHU DÂN CƯ BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
42	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 8M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 10M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ CÁ CHÁY	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DÂN CƯ VÀM SÁT II	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
44	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 12M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		5.700
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 16M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 20M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI 25M TRONG KHU DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI XÃ THẠNH AN	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ HÒA HIỆP	NỀN ĐẤT SỐ 50 KHU D		5.700

BẢNG 8**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN CỬ CHI**

(Ban hành theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	AN NHON TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
2	BÀ THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
3	BÀU LÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
4	BÀU TRÂM	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
5	BÀU TRE	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
6	BẾN CỎ	TỈNH LỘ 15	SÔNG SÀI GÒN	5.400
7	BẾN ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
8	BẾN SÚC	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
9	BÌNH MỸ	TỈNH LỘ 9	VÕ VĂN BÍCH	14.900
10	BÙI THỊ DIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
11	BÙI THỊ HE	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
12	CÁ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
13	CAN TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
14	CÂY BÀI	TỈNH LỘ 8	CẦU PHƯỚC VINH AN	8.600
		CẦU PHƯỚC VINH AN	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN KHA	6.900
15	CÂY GỖ	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
16	CÂY TRÔM-MỸ KHÁNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 7	7.200
17	ĐÀO VĂN THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
18	ĐÌNH CHUÔNG DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
19	ĐÌNH KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
20	ĐỖ ĐĂNG TUYẾN	TỈNH LỘ 7	NGÃ BA PHÚ THUẬN (PHÚ MỸ HUNG)	6.800
21	ĐỖ ĐÌNH NHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
22	ĐỖ NGỌC DU	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
23	ĐỖ CƠ QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
24	NGUYỄN THỊ TIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		15.700
25	ĐƯỜNG 35, 40	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
26	ĐƯỜNG 41	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
27	ĐƯỜNG 42 (THỊ TRẦN CÚ CHI)	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
28	BẾN THAN (ĐƯỜNG LÀNG SỐ 4)	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	TỈNH LỘ 15	13.400
29	ĐƯỜNG RANH KHU CÔNG NGHIỆP	TỈNH LỘ 15	ĐƯỜNG TRUNG AN	9.300

2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	GIÁP HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		14.100
31	HOÀNG ĐÌNH NGHĨA	CẦU KÊNH KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC CÙ CHI	TỈNH LỘ 2	14.100
32	HÀ VĂN LAO	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
33	HỒ VĂN TĂNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 15	13.400
34	HOÀNG BÁ HUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
35	HƯƠNG LỘ 10	TỈNH LỘ 7	KÊNH T38	8.500
36	HUỲNH MINH MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	13.400
37	HUỲNH THỊ BẢNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
38	HUỲNH VĂN CỌ	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
39	LÁNG THE	TỈNH LỘ 8	TỈNH LỘ 15	9.000
40	LÊ MINH NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
41	LÊ THỊ SIÊNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	8.300
42	LÊ THỌ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
43	LÊ VINH HUY	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
44	ĐƯỜNG CAO THỊ NIỆM, ĐƯỜNG 457	TỈNH LỘ 8	ĐƯỜNG 461	9.700
45	NGUYỄN THỊ LĂNG (LIÊN XÃ BÀU HUNG LỢI)	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	13.400
46	ĐƯỜNG PHẠM VĂN CỘI	NGUYỄN VĂN KHA (NÓI DÀI)	BÀ THIÊN	9.200
47	ĐƯỜNG TRUNG LẬP	TỈNH LỘ 7	TỈNH LỘ 6	7.800
48	LIÊU BÌNH HƯƠNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	14.600
49	LƯU KHAI HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
50	NGÔ TRÍ HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
51	NGUYỄN ĐẠI NĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
52	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
53	NGUYỄN GIAO	TRỌN ĐƯỜNG		15.700
54	NGUYỄN KIM CƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	10.100
55	NGUYỄN THỊ NÊ	NGÃ TƯ BÊN MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	9.200
56	NGUYỄN THỊ RÀNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 2	12.700
		TỈNH LỘ 2	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	8.000
		UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	TỈNH LỘ 15	7.300
57	NGUYỄN PHONG SẮC	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
58	NGUYỄN PHÚC TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
59	NGUYỄN THỊ LẨM	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
60	NGUYỄN THỊ RỬ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
61	NGUYỄN THỊ TRIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		15.700
62	NGUYỄN VĂN KHẠ	BUŨ ĐIỆN CÚ CHI	TỈNH LỘ 2	14.600
63	NGUYỄN VĂN KHẠ (NÓI DÀI)	TỈNH LỘ 2	TỈNH LỘ 15	9.200
64	NGUYỄN VĂN NI	TRỌN ĐƯỜNG		15.700
65	NGUYỄN VĂN NỈ	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
66	NGUYỄN VĂN ON	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
67	NGUYỄN VĂN TỶ	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
68	NGUYỄN VĂN XƠ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
69	NGUYỄN VIỆT XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
70	NHỮ TIẾN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
71	NHUẬN ĐỨC	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	NGÃ TƯ BẾN MƯƠNG	9.200
72	NINH TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
73	ÔNG ÍCH ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
74	PHẠM HỮU TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
75	PHẠM PHÚ TIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
76	PHẠM VĂN CHÈO	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
77	PHẠM THỊ HỎI	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
78	QUỐC LỘ 22	CẦU AN HẠ	HỒ VĂN TĂNG	16.900
		HỒ VĂN TĂNG	TRẦN TỬ BÌNH	21.200
		TRẦN TỬ BÌNH	NGUYỄN THỊ TRIỆU	21.800
		NGUYỄN THỊ TRIỆU	ĐÀO VĂN THỨ	26.300
		ĐÀO VĂN THỨ	CÔNG CẠNH BÊN XE CÚ CHI	32.900
		CÔNG CẠNH BÊN XE CÚ CHI	NGÃ BA BÀU TRE	21.800
		NGÃ BA BÀU TRE	TRỤ SỞ UBND XÃ PHƯỚC THẠNH	16.300
		TRỤ SỞ UBND XÃ PHƯỚC THẠNH	QUA NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG TÂY NINH)	18.400
		QUA NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG TÂY NINH)	SUỐI SÂU	14.500
79	SÔNG LU	TỈNH LỘ 8	SÔNG SÀI GÒN	8.700
80	SUỐI LỘI	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ LẮNG	8.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
81	TAM TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
82	TỈNH LỘ 15	CẦU BẾN SỨC	ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ NÊ	9.300
		ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ NÊ	CÔNG TY CARIMAR	13.700
		CÔNG TY CARIMAR	XUỐNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	16.100
		XUỐNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	CÁCH CHỢ TÂN THANH ĐÔNG 200M (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	12.000
		CÁCH CHỢ TÂN THANH ĐÔNG 200M (CHỢ SÁNG) (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	CÁCH CHỢ TÂN THANH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HỌC MÔN)	14.700
		CÁCH CHỢ TÂN THANH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HỌC MÔN)	CẦU XÁNG (RANH HUYỆN HỌC MÔN)	14.700
83	TỈNH LỘ 2	QUỐC LỘ 22	SUỐI LỢI	13.500
		SUỐI LỢI	TỈNH LỘ 8	13.100
		TỈNH LỘ 8	NGUYỄN VĂN KHA	7.900
		ĐIỂM GIAO NGUYỄN VĂN KHA VÀ NGUYỄN VĂN KHA NÓI DÀI	NGÃ TƯ SỎ	7.900
		NGÃ TƯ SỎ	RANH TỈNH TÂY NINH	8.700
84	TỈNH LỘ 6	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
85	TỈNH LỘ 7	CẦU TÂN THÁI (RANH TỈNH LONG AN)	CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	8.500
		CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	9.900
		NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	9.900
		KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	8.700
		TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	8.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300 M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	NGÃ TƯ LỘ 6	6.900
		NGÃ TƯ LỘ 6	BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	6.900
		BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	8.700
		CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	BẾN TÀU (CHỢ CŨ – XÃ AN NHƠN TÂY)	8.300
86	TỈNH LỘ 8	CẦU THẦY CAI (ẤP TAM TÂN – XÃ TÂN AN HỘI)	CÁCH CẦU VƯỢT CÙ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	16.500
		CÁCH CẦU VƯỢT CÙ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	TRƯỜNG CẤP 3 CÙ CHI	35.800
		TRƯỜNG CẤP 3 CÙ CHI	NGÃ BA TỈNH LỘ 2	29.900
		NGÃ BA TỈNH LỘ 2	NGÃ BA DỐC CẦU LÁNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VINH AN)	19.800
		NGÃ BA DỐC CẦU LÁNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VINH AN)	CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CÙ CHI)	17.200
		CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CÙ CHI)	TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	19.900
		TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	16.100
		NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	CẦU BÀ BẾP	16.900
		CẦU BÀ BẾP	CẦU PHÚ CƯỜNG (GIÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG)	16.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
87	HÀ DUY PHIÊN	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH TRA (RANH HUYỆN HÓC MÔN)	14.900
88	TRẦN THỊ NGÂN	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
89	TRẦN TỬ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
90	TRẦN VĂN CHÂM	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
91	TRUNG AN	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH KÈ	8.700
		CẦU RẠCH KÈ	GIÁP SÔNG SÀI GÒN	8.000
92	TRƯƠNG THỊ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
93	VÕ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
94	VÕ VĂN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		14.900
95	VÕ VĂN ĐIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		8.200
96	VŨ DUY CHÍ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
97	VŨ TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
98	ĐOÀN TRIẾT MINH	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
99	PHÚ THUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
100	NGUYỄN THỊ NÀ	TỈNH LỘ 15	CÂY GỖ	4.800
101	NGUYỄN THỊ GĂNG	CÂY GỖ	ĐỎ THỊ CỎ	4.300
102	ĐƯỜNG BA SA	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 2	5.400
103	NGUYỄN THỊ NỊ	QUỐC LỘ 22	KÊNH CHÍNH ĐÔNG	4.900
104	NGUYỄN THỊ NHIA	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG BA SA	4.900
105	NGUYỄN THỊ TIẾP	ĐƯỜNG TRUNG VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	4.900
106	NGUYỄN THỊ THẠO	ĐƯỜNG BA SA	KÊNH QUYẾT THẮNG	4.900
107	ĐƯỜNG SỐ 613	CAO THỊ BÈO	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	4.900
108	ĐƯỜNG SỐ 615	ĐƯỜNG SỐ 617	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	4.900
109	PHẠM THỊ MỊNH	ĐƯỜNG SỐ 614	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	4.900
110	ĐƯỜNG SỐ 618	QUỐC LỘ 22	ĐƯỜNG SỐ 628	4.900
111	ĐƯỜNG SỐ 619	ĐƯỜNG CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	CUỐI ĐƯỜNG (HẾT TUYÊN)	4.900
112	PHAN THỊ DƯ	QUỐC LỘ 22	CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	5.400
113	TRỊNH THỊ CHẮC	CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	ĐƯỜNG 619	5.400
114	ĐƯỜNG SỐ 623	NGUYỄN THỊ RÀNH	ĐƯỜNG SỐ 624	4.900
115	NGUYỄN THỊ KIẾP	ĐƯỜNG SỐ 623	XÃ TRUNG LẬP HẠ	4.300

(Xem tiếp Công báo số 415 + 416)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng